

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : Chương trình đào tạo kỹ sư Công nghệ sợi, dệt

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Công nghệ sợi, dệt

Loại hình đào tạo : Chính quy

(Ban hành tại Quyết định số 274/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 13/07/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo người học phát triển một cách toàn diện:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, thái độ lao động tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư ngành Công nghệ sợi, dệt phải nắm vững kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Công nghệ sợi, dệt, cụ thể là:

- Về kiến thức:
 - Nắm vững kiến thức nền tảng về nhân sinh quan, thế giới quan của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, về pháp luật, ngoại ngữ và tin học.
 - Nắm vững kiến thức cơ bản về nguyên liệu ngành dệt, qui trình công nghệ sản xuất sợi, qui trình công nghệ sản xuất vải, các thiết bị chủ yếu trong dây chuyền sản xuất sợi, dệt, nhuộm các phương pháp cơ bản về tổ chức sản xuất trong ngành sợi, dệt, nhuộm .
- Về kỹ năng thực hành:
 - Có kỹ năng thực hành các thao tác cơ bản và sửa chữa các sự cố thông thường của các máy trong dây chuyền sản xuất sợi, dệt nhuộm đảm bảo an toàn lao động.
 - thành thạo về nghề công nghệ sợi, dệt, nhuộm
 - Có khả năng vận dụng kiến thức đào tạo vào thực tế công tác và tự học tập, rèn luyện và tu dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Có khả năng thiết kế quy trình công nghệ; lập kế hoạch sản xuất cho các mặt hàng sợi, vải mộc, vải nhuộm; tổ chức, chỉ đạo sản xuất.
- Có khả năng tiếp thu và phát triển công nghệ mới, khả năng làm việc tập thể và quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực.
- Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:
 - Sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể đảm đương được các nhiệm vụ của cán bộ kỹ thuật, cán bộ điều hành sản xuất từ cấp phân xưởng trở lên tại các công ty dệt, sợi, nhuộm hoặc tham gia nghiên cứu, giảng dạy tại các viện, trường và các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực sợi, dệt, nhuộm.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 181 tín chỉ

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 70 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 111 tín chỉ
 - *Phần lý thuyết* 71 tín chỉ
 - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* 28 tín chỉ
 - *Khoá luận tốt nghiệp* 12 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quyết định số 43/2007/QĐ -BGDDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

6. Thang điểm: 4

7. Nội dung chương trình :

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (70 tín chỉ)

Mã học phần	Học phần	Tổ môn thực hiện	Số tín chỉ	Kết cấu học phần	Ghi chú
	7.1.1. Lý luận Mác - Lênin và TT Hồ Chí Minh		10		
	1. Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác 1	LLCT	2	2(21,9)	
	2. Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác 2	LLCT	3	3(33,12)	
	3. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	2(21,9)	
	4. Đường lối cách mạng Đảng CSVN	LLCT	3	3(33,12)	
	7.1.2. Khoa học xã hội		2		

Mã học phần	Học phần	Tổ môn thực hiện	Số tín chỉ	Kết cấu học phần	Ghi chú
	1. Pháp luật đại cương		2	2(27,6)	
	7.1.3. Nhân văn- Nghệ thuật		0		
	7.1.4. Ngoại ngữ		20		
	1. Anh văn 2	Ngoại ngữ	3	3(45,0)	
	2. Anh văn 3	Ngoại ngữ	3	3(45,0)	
	3. Anh văn 4	Ngoại ngữ	3	3(45,0)	
	4. Anh văn 5	Ngoại ngữ	3	3(45,0)	
	5. Anh văn nâng cao 3	Ngoại ngữ	4	4(60,0)	
	6. Anh văn nâng cao 4	Ngoại ngữ	4	4(60,0)	
	7.1.5. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường		26		
	Các học phần bắt buộc		20		
	1. Nhập môn tin học	CNTT	4	4(54,12)	
	2. Toán giải tích 1	KHCB	2	2(27,6)	
	3. Toán giải tích 2	KHCB	2	2(27,6)	
	4. Đại số tuyến tính	KHCB	2	2(27,6)	
	5. Toán chuyên đề 1 (Xác suất thống kê)	KHCB	2	2(27,6)	
	6. Toán chuyên đề 4 (Quy hoạch tuyến tính)	KHCB	2	2(27,6)	
	7. Vật lý	KHCB	4	4(54,12)	
	8. Hóa học 1	KHCB	2	2(27,6)	
	Các học phần tự chọn		6		
	1. Quản trị học	QTKD	2	2(27,6)	x
	2. Hóa học 2	KHCB	2	2(27,6)	x
	3. Logic học	KHCB	2	2(27,6)	x
	4. Tâm lý học	KHCB	2	2(27,6)	
	5. Môi trường và con người	CNTP	2	2(27,6)	
	6. Lịch sử các học thuyết kinh tế	KTCS	2	2(27,6)	
	7. Văn hóa kinh doanh	QTKD	2	2(27,6)	
	8. Nhập môn Xã hội học	KTCS	2	2(27,6)	
	9. Lịch sử triết học	LLCT	2	2(27,6)	
	10. Toán chuyên đề 2: Phương pháp tính	KHCB	2	2(27,6)	
	7.1.6. Giáo dục thể chất	GDTC	5		
	7.1.7. Giáo dục quốc phòng	GDTC	7		

7.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (111 tín chỉ)

CÁC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT (71 tín chỉ)

Mã học phần	Học phần	Tổ môn thực hiện	Số tín chỉ	Kết cấu học phần	Ghi chú
	7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành		22		
	1. Kỹ thuật điện	Điện	2	2(27,6)	
	2. Cơ kỹ thuật	Cơ khí	2	2(27,6)	
	3. Vẽ kỹ thuật	Cơ khí	2	2(27,6)	
	4. Tự động hoá	Điện	2	2(27,6)	
	5. Kỹ thuật nhiệt	CNTP	2	2(27,6)	
	6. Thông gió	CNTP	2	2(27,6)	
	7. Dung sai kỹ thuật đo	Cơ khí	2	2(27,6)	
	8. Hoá phân tích	CNTP	2	2(27,6)	
	9. QT&TB công nghệ hoá học	CNTP	2	2(27,6)	
	10. Vật liệu dệt	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	
	11. Thuốc nhuộm & chất trợ hoá học	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	
	7.2.2 Kiến thức ngành (chính)		49		
	7.2.2.1 Kiến thức chung của ngành (chính)		12		
	1. An toàn ngành dệt	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	
	2. Cấu tạo vải	CN sợi, dệt	4	3(40,10)	
	3. Công nghệ hoá học làm sạch VLD	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	
	4. Tổ chức quản lý ngành dệt	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	
	5. Quản lý chất lượng sản phẩm ngành dệt	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	
	7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành (chính)		37		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		29		
	1. Công nghệ và thiết bị sợi	CN sợi, dệt	3	3(40,10)	
	2. Công nghệ và thiết bị dệt thoi	CN sợi, dệt	3	3(40,10)	
	3. Công nghệ và thiết bị dệt kim	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	
	4. Công nghệ và thiết bị nhuộm	CN sợi, dệt	3	2(27,6)	
	5. Công nghệ in hoa, xử lý hoàn tất	CN sợi, dệt	3	2(27,6)	
	6. Tin ứng dụng ngành công nghệ dệt	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	
	7. Kiểm tra chất lượng sản phẩm sợi, dệt	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	
	8. Kiểm tra chất lượng sản phẩm nhuộm	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	
	9. Thiết kế dây chuyền kéo sợi	CN sợi, dệt	3	2(27,6)	
	10. Thiết kế dây chuyền dệt vải	CN sợi, dệt	3	2(27,6)	
	11. Thiết kế dây chuyền nhuộm	CN sợi, dệt	3	2(27,6)	
	<i>Các học phần tự chọn</i>		8		
	1. Tổ chức sản xuất và định mức kỹ thuật sợi	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	x

Mã học phần	Học phần	Tổ môn thực hiện	Số tín chỉ	Kết cấu học phần	Ghi chú
	2. Tổ chức sản xuất và định mức kỹ thuật dệt	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	x
	3. Công nghệ sản xuất sạch hơn	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	x
	4. Thiết bị xử lý hóa học vật liệu dệt	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	x
	5. Quản lý SCTB ngành công nghệ dệt	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	
	7.2.3 Kiến thức ngành thứ 2				

CÁC HỌC PHẦN THỰC TẬP, KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP (40 tín chỉ)

Mã học phần	Học phần	Tổ môn thực hiện	Số tín chỉ	Kết cấu học phần	Ghi chú
	7.2.4. Thực tập nghề nghiệp		28		
	7.2.4.1. Thực tập chung của ngành		3		
	1. Đồ án 1: Đồ án quá trình và thiết bị công nghệ hoá học	CNTP	2	2(0,60)	
	2. Thí nghiệm vật liệu dệt	CN sợi, dệt	1	1(0,30)	
	7.2.4.2. Thực tập chuyên sâu của ngành		20		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		18		
	1. Thực tập Công nghệ sợi	CN sợi, dệt	2	2(0,60)	
	2. Thực tập Công nghệ dệt thoi	CN sợi, dệt	2	2(0,60)	
	3. Thực tập Công nghệ dệt kim	CN sợi, dệt	2	2(0,60)	
	4. Thực tập Công nghệ nhuộm	CN sợi, dệt	2	2(0,60)	
	5. Thực tập Công nghệ dệt không thoi	CN sợi, dệt	2	2(0,60)	
	6. Đồ án 2: Thiết kế dây chuyền sợi, dệt	CN sợi, dệt	2	2(0,60)	
	7. Đồ án 3: Thiết kế dây chuyền nhuộm	CN sợi, dệt	2	2(0,60)	
	8. Thực tập tin ứng dụng	CN sợi, dệt	2	2(0,60)	
	9. Thực tập nghề nâng cao	CN sợi, dệt	2	2(0,60)	
	<i>Các học phần tự chọn</i>		2		
	1. Thực tập công nghệ kéo sợi xe, len, libe	CN sợi, dệt	2	2(0,60)	x
	2. Thực tập công nghệ in hoa, xử lý hoàn tất	CN sợi, dệt	2	2(0,60)	
	7.2.4.3. Thực tập cuối khoá		5		
	7.2.5. Khóa luận tốt nghiệp / Các học phần thay KLTN		12		
	1. Công nghệ kéo sợi xe, sợi len, libe	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	
	2. Cấu trúc sợi	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	
	3. Công nghệ vải không dệt	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	

Mã học phần	Học phần	Tổ môn thực hiện	Số tín chỉ	Kết cấu học phần	Ghi chú
	4. Công nghệ dệt không thoi	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	
	5. Lý thuyết kéo sợi	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	
	6. Lý thuyết nhuộm	CN sợi, dệt	2	2(27,6)	

Ghi chú:

Ký hiệu kết cấu học phần 2(27,6) giải thích như sau:

- Số tín chỉ: 2
- Số tiết lý thuyết: 27
- Số tiết thực hành, thảo luận, bài tập: 6

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

8.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng công nghệ, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình: Luật giáo dục, quy chế kèm theo quyết định 43/2007/QĐ -BGDDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên ...

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, Khoa phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

8.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết;

- Quy định thực hiện các học phần:
 - Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.
 - Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

8.3. Chế độ công tác giáo viên

- Căn cứ các quy định của Nhà nước:
 - Căn cứ Quyết định số 1712/ĐH ngày 18 tháng 12 năm 1978 của Bộ Đại học và THCN về Quy định chế độ làm việc của cán bộ giảng dạy Đại học;
 - Căn cứ Thông tư số 08/TT ngày 05 tháng 01 năm 1981 của Bộ Đại học và THCN hướng dẫn một số điểm cơ bản về chế độ làm việc của cán bộ giảng dạy Đại học;
 - Căn cứ Thông tư số 47/TT - BĐH ngày 11 tháng 11 năm 1979 của Bộ Đại học và THCN hướng dẫn thực hiện một số điểm sửa đổi và bổ sung về chế độ làm việc của cán bộ giảng dạy Đại học;
- Căn cứ quy định về công tác giáo viên kèm theo quyết định số 367/QĐ-ĐHKTKTCN ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

NHẬP MÔN TIN HỌC

- Tên học phần:** Nhập môn tin học
- Số tín chỉ:** 03(39,12)
- Tính chất học phần:** Bắt buộc.
- Khoa phụ trách:** Khoa Công nghệ thông tin
- Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Nhập môn tin học là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kinh doanh thương mại. Học phần trang bị các kiến thức về máy tính; cách tổ chức và quản lý thông tin trên máy tính thông qua hệ điều hành; Các cấu trúc lệnh và các cấu trúc dữ liệu của ngôn ngữ lập trình, và bộ ứng dụng Microsoft Office làm cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết bài toán kỹ thuật sau này.

6. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức: Hiểu được các câu lệnh có cấu trúc trong Pascal, hiểu cách viết một chương trình với cấu trúc mảng, chuỗi. Nắm vững, hiểu các hàm thông dụng trong Excel và một số hàm nâng cao.

- Kỹ năng: Phân tích và thiết kế được các bài toán có cấu trúc trong ngôn ngữ lập trình Pascal, từ đó lập trình thành thạo các bài toán ứng dụng. Sử dụng các hàm trong excel làm thành thạo các bài tập cơ sở dữ liệu, giúp người học có tư duy lập trình.

- Thái độ: Nghiêm túc, trách nhiệm, chủ động, tích cực, chăm chỉ, cẩn thận.

7. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
1	PHẦN 1: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA TIN HỌC Chương 1- Đại cương về Tin học 1.1. Thông tin 1.2. Xử lý thông tin 1.3. Tin học 1.4. Máy tính điện tử và lịch sử phát triển 1.5. Các máy tính thông minh 1.6. Thông tin trong tin học	4		1,2,3,4,5,6
2	Chương 2- Các khái niệm cơ bản của hệ điều hành 2.1. Các khái niệm cơ bản MS-DOS, windows 2.2. Khởi động và thoát khỏi Windows 2.3. Menu Start và thanh Taskbar	4		1,2,3,4,5,6

Tuần	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	2.4. Khởi động Windows Explorer 2.5. Desktop và các biểu tượng 2.6. Control Panel			
3	PHẦN 2: WORD, POWER POINT 2003 Chương 1 - Soạn thảo văn bản 1.1. Các thao tác căn bản 1.2. Thiết lập chế độ soạn thảo 1.3. Định dạng tài liệu (Document Formating) 1.4. Định dạng một bảng Chương 2 - In và trộn văn bản 2.1. In văn bản 2.2. Trộn văn bản	4		1,2,3,4,5,6
4	CHƯƠNG 3 - TRÌNH CHIẾU ĐIỆN TỬ 3.1. Giới thiệu Power Point 3.2. Thao tác cơ bản trên Slide 3.3 Chèn đối tượng trên Slide 3.4. Thiết lập các hiệu ứng cho Slide 3.5. Thiết lập trang in	4		1,2,3,4,5,6
5	Thảo luận chương 1, 2		4	1,2,3,4,5,6
6	Phần 3: Ngôn ngữ lập trình Pascal Chương 1 Giải thuật và chương trình 1.1 Khái niệm 1.2 Các đặc trưng của thuật toán 1.3. Các dạng diễn tả thuật toán Chương 2 Các khái niệm cơ bản 2.1. Giới thiệu 2.2. Các phần tử cơ bản của ngôn ngữ PASCAL 2.3. Cấu trúc của một chương trình Pascal 2.4. Các kiểu dữ liệu cơ sở 2.5. Khai báo: biến, hằng, kiểu và biểu thức 2.6. Các thủ tục nhập / xuất	4		1,2,3,4,5,6
7	Chương 3 Thủ tục vào - ra dữ liệu 3.1. Thủ tục viết dữ liệu ra màn hình 3.2. Các thủ tục trình bày màn hình 3.3. Thủ tục vào dữ liệu Read và Readln	4		1,2,3,4,5,6
8	Chương 4 Các lệnh có cấu trúc trong pascal	4		1,2,3,4,5,6

Tuần	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	4.1. Cấu trúc lựa chọn 4.2. Cấu trúc lặp			
9	Chương 4 Các lệnh có cấu trúc trong pascal 4.3. Chương trình con 4.4. Kiểu vô hướng liệt kê và kiểu đoạn con	4		1,2,3,4,5,6
10	Thảo luận chương 3,4		4	
11	Chương 5 Dữ liệu có cấu trúc: kiểu mảng 5.1. Khái niệm chung về cấu trúc dữ liệu 5.2. Mảng một chiều (ARRAY) 5.3. Mảng hai chiều 5.4. Ưu khuyết điểm của mảng	4		1,2,3,4,5,6
12	Chương 6 Dữ liệu có cấu trúc: kiểu chuỗi 6.1. Khái niệm 6.2. Khai báo chuỗi 6.3. Các thao tác trên String 6.4. Một số hàm và thủ tục trên String	3		1,2,3,4,5,6
13	Thảo luận Chương 5, Chương 6, Kiểm tra		4	1,2,3,4,5,6

8. Tài liệu học tập:

1. Quách Tuấn Ngọc, *Giáo trình tin học căn bản*, NXB Giáo dục 1999
2. Bùi Thế Tâm, *Turbo Pascal 7.0*, NXB Giao thông vận tải 1998
3. Bùi Thế Tâm *Giáo trình tin học Đại cương*, NXB Giao thông vận tải 2005

9. Tài liệu tham khảo:

4. Đỗ Xuân Lôi, *Cấu trúc dữ liệu & giải thuật*, NXB Khoa học kỹ thuật 1996
5. Quách Tuấn Ngọc, *Bài tập ngôn ngữ lập trình Pascal*, NXB Thống kê
6. N. Wirth, and A. I. Wasserman, ed: *Programming Language Design*, IEEE Computer Society

10. Phương pháp đánh giá học phần:

- Đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên: đi học đầy đủ, thái độ tự học tốt ..., trọng số 10%
- Đánh giá điểm thực hành, thảo luận: chuẩn bị bài đầy đủ, tích cực thảo luận ..., trọng số 20%
- Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Hình thức tự luận, trọng số 20%

- Điểm thi kết thúc học phần: Hình thức thi trắc nghiệm, trọng số 50%

TOÁN GIẢI TÍCH 1

1. **Tồn học phần:** Giải tích 1.
2. **Số tín chỉ:** 02.
3. **Tính chất học phần:** Bắt buộc.
4. **Học phần thay thế, tương đương:** Khụng.
5. **Phõn bổ thời gian giảng dạy trong học kỳ:** 2(26, 8, 3)/ 12 (12 tuần thực học)
 - Số tiết thực lờn lớp: 34 tiết.
 - Lý thuyết: 26 tiết
 - Thảo luận: 8 tiết
 - Số giờ sinh vờn tự học: $4 \text{ giờ/tuần} \times 12 \text{ tuần} = 48 \text{ giờ}$.

6. **Đõnh giỏ:** Theo quy chế và quy định của Nhà trường.

7. Điều kiện học:

- Học phần tồn quyết: Khụng.
- Học phần học trước: Khụng.
- Học phần song hành:
- Ghi chỳ khỏc:

8. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Giải tích toán học để họ cú đủ kiến thức nền tiếp thu những mụn học chuyên ngành sau này. Mặt khỏc, mụn toỏn núi chung và mụn Toỏn cao cấp 1 núi rờng cũn rỏn luyện cho sinh vờn khả năng tư duy cú logic, cú phương phỏp phõn tóch, tổng hợp cỏc vấn đề một cỏch khoa học.

9. Mục tả vấn tất nội dung học phần:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm về giải tích hàm một biến như tóch liờn tục của hàm số một biến, nhiều biến, đạo hàm, vi phõn, tóch phõn, khởi niệm và cỏc phỏp tóch vi phõn hàm nhiều biến ... Bờn cạnh đó, cũn cung cấp cho sinh vờn nhưng khởi niệm và cỏc phương phỏp cơ bản giải phương trởnh, hệ phương trởnh vi phõn và thụng qua đó, sinh vờn cú thể giải một cỏch thành thạo cỏc phương trởnh, hệ phương trởnh vi phõn và cú khả năng ỏp dụng để giải cỏc bài toỏn chuyên ngành sau này.

10. Nhiệm vụ của Sinh vờn:

- Dự lớp đầy đủ, đúng giờ, thực hiện tốt cỏc nội quy của Nhà trường trong giờ lờn lớp
- Thực hiện tốt cỏc bài tập, bài tập lớn, thảo luận, thực hành mụn học, thớ nghiệm, tiểu luận theo yờu cầu của giỏo vờn.
- Phải đọc và nghiên cứu trước giỏo trởnh, tài liệu tham khảo, chuẩn bị các ý kiến, đề xuất khi nghe giảng.

11. Tài liệu học tập:

1. Bài giảng Giải tóch 1- Trường ĐH KT- KT- CN

12. Tài liệu tham khảo:

2. Toỏn cao cấp, Tập 1 - ĐH Bách khoa
3. BT Toỏn cao cấp, Tập 1 - ĐH Bách khoa
4. Toỏn cao cấp, Tập 2 - ĐH Bách khoa
5. BT Toỏn cao cấp, Tập 2 - ĐH Bách khoa

6. Toán cao cấp, Tập 3 - ĐH Bách khoa.
7. BTToán cao cấp, Tập 3 - ĐH Bách khoa.
8. Giỏ trỡnh giải tóch hàm một biến số thực

13. Tiêu chuẩn đánh giá Sinh viên:

- Theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo quyết định số 29/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 09 tháng 10 năm 2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.
- Hình thức thi kết thúc học phần: Thi viết

14. Cỗn bộ tham gia giảng dạy

Là giỏo viờn cơ hữu, giỏo viờn kỡm nhiệm, giỏo viờn thỉnh giảng do Khoa, Bộ mụn quản lý, phõn cụng giảng dạy khi cú đủ cõc điều kiện, tỡu chuẩn, đợc Hiệu trưởng duyệt.

13.1. Giảng lý thuyết

Giảng viờn cú học vị từ Thạc sỹ trở lờn, cú kinh nghiệm trong giảng dạy hoặc hướng dẫn thảo luận, đợc Bộ mụn phõn cụng.

13.1. Hướng dẫn làm bài tập, bài tập lớn, thảo luận, thực hành mụn học, thớ nghiệm, tiểu luận.

Là giảng viờn, giỏo viờn cú học vị từ Cử nhõn trở lờn, cú kinh nghiệm trong giảng dạy hoặc hướng dẫn thảo luận, đợc Bộ mụn phõn cụng.

15. Nội dung chi tiết học phần (3 tiết/tuần)

Tuần thứ	Nội dung	Tài liệu học tập, tham khảo	Hình thức học
1	<p>Chương 1: Tập hợp, quan hệ và logic suy luận</p> <p>1.1. Tập hợp</p> <p>1.1.1. Khởi niệm cơ bản về tập hợp</p> <p>1.1.2. Cõc phõp toán về tập hợp</p> <p>1.2. Cõc tập hợp số thực</p> <p>1.2.1. Hệ thống số thực</p> <p>1.2.2. Biểu diễn hình học cõc số thực</p> <p>1.2.3. Cõc khoảng số thực</p> <p>1.2.4. Tập hợp bị chặn, cận tròn đỳng và cận dưới đỳng</p> <p>1.3. Quan hệ</p>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng

Tuần thứ	Nội dung	Tài liệu học tập, tham khảo	Hình thức học
	<p>1.3.1. Tách Đề Cóc</p> <p>1.3.2. Quan hệ trong một tập hợp</p> <p>1.3.3. Khỏi niệm ỏnh xạ</p> <p>1.4.Đại cương về logic suy luận</p> <p>1.4.1. Mệnh đề</p> <p>1.4.2. Hàm mệnh đề và lượng từ</p> <p>1.4.3. Logic suy luận</p> <p>1.4.4. Logic chứng minh mệnh đề</p> <p>1.4.5. Phương phỏp chứng minh quy nạp</p>		
2	<p style="text-align: center;">Chương 2: Hàm số và giới hạn</p> <p>2.1. Cỏc khỏi niệm về hàm số một biến số</p> <p>2.1.1. Biến số</p> <p>2.1.2. Quan hệ hàm số</p> <p>2.1.3. Khỏi niệm hàm ngược</p> <p>2.1.4. Một số hàm đặc biệt</p> <p>2.1.5. Cỏc hàm sơ cấp cơ bản</p> <p>2.2. Giới hạn của dóy số thực</p> <p>2.2.1. Định nghĩa dóy số</p> <p>2.2.2. Giới hạn của dóy số</p> <p>2.2.3. Đại lượng vự cụng bộ</p> <p>2.2.4. Cỏc định lý cơ bản về giới hạn</p> <p>2.3. Giới hạn của hàm số</p> <p>2.3.1. Khỏi niệm giới hạn của hàm số</p> <p>2.3.2. Giới hạn của cỏc hàm số sơ cấp cơ bản</p> <p>2.3.3. Cỏc định lý cơ bản về giới hạn</p> <p>2.3.4. Vự cụng bộ và vự cụng lớn</p> <p>2.4.Hàm số liờn tục</p>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng

Tuần thứ	Nội dung	Tài liệu học tập, tham khảo	Hình thức học
	<p>2.4.1. Khởi niệm hàm số liên tục</p> <p>2.4.2. Cọc phệp toàn sơ cấp đối với cọc hàm số liên tục</p> <p>2.4.3. Cọc tónh chất liên tục của hàm số liên tục trên một đoạn.</p>		
3	<p>Chương 3: Phệp tónh vi phõn hàm một biến</p> <p>3.1. Đạo hàm</p> <p>3.1.1. Khởi niệm đạo hàm</p> <p>3.1.2. Đạo hàm cọc hàm số sơ cấp cơ bản-Quy tắc tónh đạo hàm</p> <p>3.1.3. Đạo hàm cấp cao</p> <p>3.2. Vi phõn</p> <p>3.2.1. Khởi niệm vi phõn</p> <p>3.2.2. Cọc quy tắc tónh vi phõn và vi phõn cấp cao</p> <p>3.3. Cọc định lý cơ bản về hàm khả vi</p> <p>3.3.1. Định lý Fermat</p> <p>3.3.2. Định lý Lagrange</p> <p>3.3.3. Định lý Cauchy</p>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng
4	Chữa BT chương 1,2,3.		Thảo luận
5	<p>Chương 4: Phệp tónh tóch phõn của hàm một biến</p> <p>4.1. Tóch phõn bất định</p> <p>4.1.1. Định nghĩa và tónh chất</p> <p>4.1.2. Bảng cụng thức cơ bản</p> <p>4.1.3. Cọc phương phệp tónh tóch phõn</p> <p>4.1.4. Tóch phõn của cọc hàm lượng giỏc, hữu tỉ, vụ tỉ</p>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng
6	4.2. Tóch phõn xỏc định	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng

Tuần thứ	Nội dung	Tài liệu học tập, tham khảo	Hình thức học
	<p>4.2.1. Định nghĩa</p> <p>4.2.2. Tính chất</p> <p>4.2.3. Công thức Newton-Leibnitz</p> <p>4.2.4. Công phương pháp tính tích phân</p> <p>4.3. Tích phân suy rộng</p> <p>4.3.1. Tích phân suy rộng loại 1</p> <p>4.3.2. Tích phân suy rộng loại 2</p>		
7	<p style="text-align: center;">Chương 5: Hàm số nhiều biến</p> <p>5.1. Khái niệm cơ bản</p> <p>5.1.1. Định nghĩa</p> <p>5.1.2. Công mặt cong cơ bản bậc 2</p> <p>5.1.3. Giới hạn kép, giới hạn lặp</p> <p>5.1.4. Tính liên tục</p> <p>5.2. Đạo hàm và vi phân</p> <p>5.2.1. Số gia riêng và số gia toàn phần</p> <p>5.2.2. Đạo hàm riêng</p> <p>5.2.3. Vi phân toàn phần</p> <p>5.2.4. Đạo hàm hàm hợp, hàm ẩn</p> <p>5.2.5. Đạo hàm và vi phân cấp cao</p>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng
8	<p>5.3. Cực trị</p> <p>5.3.1. Cực trị hàm nhiều biến</p> <p>5.3.2. Cực trị có điều kiện</p> <p>5.3.4. Giá trị lớn nhất, nhỏ nhất</p>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng
9	Chữa BT chương 4,5. + Kiểm tra	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Thảo luận
10	Chương 6: Phương trình vi phân	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng

Tuần thứ	Nội dung	Tài liệu học tập, tham khảo	Hình thức học
	<p>6.1. Phương trình vi phân cấp 1</p> <p>6.1.1. Cốc khởi niệm</p> <p>6.1.2. Định lý tồn tại và duy nhất nghiệm, Bài toán Cauchy.</p> <p>6.2. Một số phương trình vi phân cấp 1</p> <p>6.2.1. Phương trình biến số phân ly</p> <p>6.2.2. Phương trình đẳng cấp cấp 1</p> <p>6.2.3. Phương trình tuyến tính cấp 1</p> <p>6.2.4. Phương trình Becnulli</p> <p>6.2.5. Phương trình vi phân toàn phần</p>		
11	<p>6.3. Phương trình vi phân cấp 2</p> <p>6.3.1. Cốc khởi niệm</p> <p>6.3.2. Định lý tồn tại và duy nhất nghiệm, Bài toán Cauchy.</p> <p>6.3.3. Phương trình khuyết</p> <p>6.3.4. Phương trình vi phân tuyến tính thuần nhất</p> <p>6.3.5. Phương trình vi phân cấp 2 tuyến tính khụng thuần nhất.</p> <p>6.3.6. Phương trình vi phân cấp 2 tuyến tính với hệ số hằng</p>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng
12	Chữa BT chương 6. + Kiểm tra	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Thảo luận

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT NÀY ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA BỘ MON LAM CƠ SỞ GIẢNG DẠY CHO CÁC LỚP HỆ ĐẠI HỌC CỦA CÁC NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH NÊU TRÊN.

1. Tên học phần: Giải tích 2.
2. Số tín chỉ: 02.
3. Tính chất học phần: Bắt buộc.
4. Học phần thay thế, tương đương: Không.
5. Phân bổ thời gian giảng dạy trong học kỳ: 2(26, 8, 3)/ 12 (12 tuÇn thục hãc)
 - Số tiết thực lên lớp: 34 tiết.
 - Lý thuyết: 26 tiết
 - Thảo luận: 8 tiết
 - Số giờ sinh viên tự học: $4 \text{ giờ/tuần} \times 12 \text{ tuần} = 48 \text{ giờ}$.
6. Đánh giá: Theo quy chế và quy định của Nhà trường.
7. Điều kiện học:
 - Học phần tiên quyết: Không.
 - Học phần học trước: Giải tích 1.
 - Học phần song hành:
 - Ghi chú khác:

8. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Giải tích toán học như Tích phân hàm nhiều biến và chuỗi để họ có đủ kiến thức nền tiếp thu những môn học chuyên ngành sau này. Mặt khác, môn toán nói chung và môn Toán cao cấp 3 nói riêng còn rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy có logic, có phương pháp phân tích, tổng hợp các vấn đề một cách khoa học.

9. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm về giải tích như chuỗi số, chuỗi hàm, một số tích phân hàm nhiều biến như tích phân bội, tích phân đường, tích phân mặt ..., thông qua đó, sinh viên có khả năng áp dụng để giải các bài toán chuyên ngành sau này..

10. Nhiệm vụ của Sinh viên:

- Dự lớp đầy đủ, đúng giờ, thực hiện tốt các nội quy của Nhà trường trong giờ lên lớp
- Thực hiện tốt các bài tập, bài tập lớn, thảo luận, thực hành môn học, thí nghiệm, tiểu luận theo yêu cầu của giáo viên.
- Phải đọc và nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu tham khảo, chuẩn bị các ý kiến, đề xuất khi nghe giảng.

11. Tài liệu học tập:

2. Bài giảng Toán cao cấp 2- Trường ĐH KT- KT- CN

12. Tài liệu tham khảo:

9. Toán cao cấp, Tập 1 - ĐH Bách khoa
10. BT Toán cao cấp, Tập 1 - ĐH Bách khoa
11. Toán cao cấp, Tập 2 - ĐH Bách khoa

12. BTT toán cao cấp, Tập 2 - ĐH Bách khoa
13. Toán cao cấp, Tập 3 - ĐH Bách khoa.
14. BTT toán cao cấp, Tập 3 - ĐH Bách khoa.
15. Giải tích - Nguyễn Xuân Liêm - NXB GD

13. Tiêu chuẩn đánh giá Sinh viên:

- Theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo quyết định số 29/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 09 tháng 10 năm 2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.
- Hình thức thi kết thúc học phần: Thi viết

14. Cán bộ tham gia giảng dạy

Là giáo viên cơ hữu, giáo viên kiêm nhiệm, giáo viên thỉnh giảng do Khoa, Bộ môn quản lý, phân công giảng dạy khi có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn, được Hiệu trưởng duyệt.

13.1. Giảng lý thuyết

Giảng viên có học vị từ Thạc sỹ trở lên, có kinh nghiệm trong giảng dạy hoặc hướng dẫn thảo luận, được Bộ môn phân công.

13.1. Hướng dẫn làm bài tập, bài tập lớn, thảo luận, thực hành môn học, thí nghiệm, tiểu luận.

Là giảng viên, giáo viên có học vị từ Cử nhân trở lên, có kinh nghiệm trong giảng dạy hoặc hướng dẫn thảo luận, được Bộ môn phân công.

15. Nội dung chi tiết học phần (3 tiết/tuần)

Tuần thứ	Nội dung	Tài liệu học tập, tham khảo	Hình thức học
1	Chương 1: Chuỗi 1.1. Chuỗi số 1.1.1. Định nghĩa 1.1.2. Tính chất	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng
2	1.1.3. Chuỗi số dương 1.1.4. Chuỗi có dấu bất kỳ	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Thảo luận
3	1.2. Chuỗi lũy thừa 1.2.1. Định nghĩa chuỗi hàm 1.2.2. Chuỗi lũy thừa 1.2.3. Miền hội tụ của chuỗi lũy thừa 1.2.4. Chuỗi Taylor	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng

TuÇn thø	Néi dung	Tại liÖu hăc tĒp, tham khđo	H×nh thøc hăc
4	Bài tập chương 1	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Thđo luĒn
5	Chương 2: Tích phân bội <i>2.1. Tích phân kép</i> 2.1.1. Định nghĩa, tính chất 2.1.2. Cách tính tích phân kép	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giđng
6	2.1.3. Ứng dụng	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giđng
7	<i>2.2. Tích phân bội ba</i> 2.2.1. Định nghĩa, tính chất 2.2.2. Cách tính tích phân bội ba 2.2.3. Ứng dụng	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giđng
8	Bài tập chương 2 + Kiểm tra	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Thđo luĒn
9	Chương 3: Tích phân đường, mặt <i>3.1. Tích phân đường</i> 3.1.1. Tích phân đường loại 1 3.1.2. Tích phân đường loại 2	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giđng
10	<i>3.2 Tích phân mặt</i> 3.2.1. Tích phân mặt loại 1	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giđng
11	3.2.2. Tích phân mặt loại 2	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giđng
12	Bài tập Chương 3+KiÓm tra	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Thđo luĒn

ĐẠI SỐ TUYẾN TÍNH

1. Tên học phần: Đại số tuyến tính.
2. Số tín chỉ: 02.
3. Tính chất học phần: Bắt buộc.
4. Học phần thay thế, tương đương: Không.
5. Phân bổ thời gian giảng dạy trong học kỳ: 2(26, 8, 3)/ 12 (12 tuÇn thục hęc)
 - Số tiết thực lên lớp: 34 tiết.
 - Lý thuyết: 26 tiết
 - Thảo luận: 8 tiết
 - Số giờ sinh viên tự học: 4 giờ/tuần x 12 tuần = 48 giờ.
6. Đánh giá: Theo quy chế và quy định của Nhà trường.

7. Điều kiện học:

- Học phần tiên quyết: Không.
- Học phần học trước: Không.
- Học phần song hành:
- Ghi chú khác:

8. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính để họ có đủ kiến thức nền tiếp thu những môn học chuyên ngành sau này. Mặt khác, môn toán nói chung và môn Toán cao cấp 2 nói riêng còn rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy có logic, có phương pháp phân tích, tổng hợp các vấn đề một cách khoa học.

9. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm về Đại số tuyến tính như không gian véc tơ, hệ véc tơ độc lập tuyến tính, phụ thuộc tuyến tính, không gian con, định thức, ma trận, hệ phương trình tuyến tính, dạng toàn phương... Bên cạnh đó, còn rèn luyện khả năng giải hệ phương trình tuyến tính thông qua đó, sinh viên có thể áp dụng để giải các bài toán chuyên ngành sau này.

10. Nhiệm vụ của Sinh viên:

- Dự lớp đầy đủ, đúng giờ, thực hiện tốt các nội quy của Nhà trường trong giờ lên lớp
- Thực hiện tốt các bài tập, bài tập lớn, thảo luận, thực hành môn học, thí nghiệm, tiểu luận theo yêu cầu của giáo viên.
- Phải đọc và nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu tham khảo, chuẩn bị các ý kiến, đề xuất khi nghe giảng.

11. Tài liệu học tập:

3. Bài giảng Đại số tuyến tính- Trường ĐH KT- KT- CN

12. Tài liệu tham khảo:

16. Toán cao cấp, Tập 1 - ĐH Bách khoa
17. BT Toán cao cấp, Tập 1 - ĐH Bách khoa
18. Toán cao cấp, Tập 2 - ĐH Bách khoa
19. BT Toán cao cấp, Tập 2 - ĐH Bách khoa

- 20. Toán cao cấp, Tập 3 - ĐH Bách khoa.
- 21. BTT toán cao cấp, Tập 3 - ĐH Bách khoa.
- 22. Đại số tuyến tính - ĐH Sư phạm HN

13. Tiêu chuẩn đánh giá Sinh viên:

- Theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo quyết định số 29/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 09 tháng 10 năm 2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.
- Hình thức thi kết thúc học phần: Thi viết

14. Cán bộ tham gia giảng dạy

Là giáo viên cơ hữu, giáo viên kiêm nhiệm, giáo viên thỉnh giảng do Khoa, Bộ môn quản lý, phân công giảng dạy khi có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn, được Hiệu trưởng duyệt.

13.1. Giảng lý thuyết

Giảng viên có học vị từ Thạc sỹ trở lên, có kinh nghiệm trong giảng dạy hoặc hướng dẫn thảo luận, được Bộ môn phân công.

13.1. Hướng dẫn làm bài tập, bài tập lớn, thảo luận, thực hành môn học, thí nghiệm, tiểu luận.

Là giảng viên, giáo viên có học vị từ Cử nhân trở lên, có kinh nghiệm trong giảng dạy hoặc hướng dẫn thảo luận, được Bộ môn phân công.

15. Nội dung chi tiết học phần (3 tiết/tuần)

Tuần học	Nội dung	Tài liệu hoặc tệp, tham khảo	Hình thức học
1	<p>Chương 1: Không gian vector n-chiều</p> <p>1.1. Vectơ n- chiều và không gian vectơ</p> <p>1.1.1. Khái niệm vectơ</p> <p>1.1.2. Các phép toán về vectơ</p> <p>1.1.2. Không gian vectơ n-chiều</p> <p>1.1.2. Không gian con</p> <p>1.2. Phụ thuộc tuyến tính và độc lập tuyến tính</p> <p>1.2.1. Tổ hợp tuyến tính và phép biểu diễn tuyến tính</p> <p>1.2.2. Sự phụ thuộc tuyến tính và độc lập tuyến tính của một hệ vectơ</p>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng

Tuần thứ	Nội dung	Tài liệu học tập, tham khảo	Hình thức học
	<p>1.2.3. Các định lý cơ bản về sự phụ thuộc tuyến tính</p> <p>1.3. Cơ sở của không gian vector</p> <p>1.3.1. Khái niệm cơ sở</p> <p>1.3.2. Toạ độ của vector trong một cơ sở</p> <p>1.3.3. Cơ sở của một không gian con</p> <p>1.3.4. Đổi cơ sở</p> <p>1.4. Hạng của một hệ vector</p> <p>1.4.1. Định nghĩa cơ sở và hạng của một hệ vector</p> <p>1.4.2. Các định lý cơ bản về hạng của hệ vector</p> <p>1.4.3. Các phép biến đổi không làm thay đổi hạng của hệ vector</p>		
2	<p style="text-align: center;">Chương 2: Ma trận và định thức</p> <p>2.1. Ma trận</p> <p>2.1.1. Định nghĩa, các dạng ma trận đặc biệt</p> <p>2.1.2. Các phép toán trên ma trận</p> <p>2.1.3. Các phép biến đổi trên ma trận</p>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng
3	<p>2.2. Định thức</p> <p>2.2.1. Định nghĩa</p> <p>2.2.2. Các tính chất</p> <p>2.2.3. Công thức khai triển định thức</p> <p>2.3. Ma trận nghịch đảo</p> <p>2.3.1. Định nghĩa ma trận nghịch đảo, điều kiện tồn tại ma trận nghịch đảo</p> <p>2.3.2. Tìm ma trận nghịch đảo bằng phép biến đổi sơ cấp</p> <p>2.4. Hạng của ma trận</p>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng

Tuần thờ	Nội dung	Tài liệu hỗ trợ, tham khảo	Hình thức học
	2.4.1. Khái niệm hạng của ma trận 2.4.2. Liên hệ với các định thức con của ma trận 2.4.3. Các phương pháp tìm hạng của ma trận 2.4.4. Khảo sát hệ vectơ thông qua việc tìm hạng của ma trận		
4	Bài tập Chương 1,2.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Thảo luận
5	Chương 3: : Hệ phương trình tuyến tính 3.1. Phương trình ma trận và định thức 3.1.1. Hệ phương trình GRAMER 3.1.2. Phương pháp ma trận 3.1.3. Quy tắc GRAMER	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng
6	3.2. Hệ phương trình tuyến tính tổng quát 3.2.1. Các dạng biểu diễn hệ phương trình tuyến tính 3.2.2. Điều kiện tồn tại nghiệm 3.2.3. Khảo sát tổng quát hệ phương trình tuyến tính 3.3. Hệ phương trình tuyến tính thuần nhất 3.3.1. Điều kiện tồn tại nghiệm không tầm thường 3.3.2. Cấu trúc của tập hợp nghiệm 3.3.3. Hệ nghiệm cơ bản 3.3.4. Mối liên hệ với hệ không thuần nhất	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng
7	Chương 4: Ánh xạ tuyến tính 4.1. Định nghĩa 4.1.1. Định nghĩa ánh xạ tuyến tính 4.1.2. Nhân và ảnh của ánh xạ tuyến tính	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng

Tuần thứ	Nội dung	Tài liệu học tập, tham khảo	Hình thức học
	<p>4.2. Ma trận của ánh xạ tuyến tính</p> <p>4.2.1. Định nghĩa ma trận của ánh xạ tuyến tính</p> <p>4.2.2. Hạng của ánh xạ tuyến tính</p> <p>4.3. Chuyển cơ sở ma trận đồng dạng</p> <p>4.3.1. Ma trận đồng dạng</p> <p>4.3.2. ma trận của ánh xạ tuyến tính khi chuyển cơ sở</p>		
8	Bài tập Chương 3,4 + Kiểm tra	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Thảo luận
9	<p style="text-align: center;">Chương 5: Dạng toàn phương</p> <p>5.1. Trị riêng , vectơ riêng</p> <p>5.1.1. Định nghĩa giá trị riêng ,vectơ riêng của ma trận</p> <p>5.1.2. Phương trình đặc trưng</p> <p>5.2. Chéo hoá ma trận</p> <p>5.2.1. Điều kiện cần và đủ để ma trận chéo hoá được</p> <p>5.2.2. Thuật toán chéo hoá ma trận</p> <p>5.2.3. Chéo hoá trực giao</p>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng
10	<p>5.3. Dạng toàn phương</p> <p>5.3.1. Định nghĩa</p> <p>5.3.2. Ma trận của dạng toàn phương</p> <p>5.3.4. Hạng của dạng toàn phương</p> <p>5.4. Dạng chính tắc</p> <p>5.4.1. Định nghĩa</p> <p>5.4.2. Đưa dạng toàn phương về dạng chính tắc bằng phép biến đổi trực giao</p> <p>5.4.3. Đưa dạng toàn phương về dạng chính tắc bằng phương pháp LAGRANGE</p>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Giảng

Tuần thø	Néi dung	Tài liÖu hãc tËp, tham kh¶o	H×nh thøc hãc
11	<p>5.5. Dạng toàn phương xác định dấu</p> <p>5.4.1. Định nghĩa</p> <p>5.4.2. Giá trị riêng của ma trận - tính chất SYLVESTER</p> <p>5.4.3. Dấu hiệu dạng toàn phương xác định</p>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Gi¶ng
12	Bài tập Chương 5 + KiÓm tra	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Th¶o luËn

TOÁN CHUYÊN ĐỀ 1: XÁC SUẤT THỐNG KÊ

1. **Tên học phần:** Xác suất thống kê.

2. **Số tín chỉ:** 02(26,8)

3. **Tính chất học phần:** Bắt buộc.

4. **Khoa phụ trách:** Khoa Khoa học cơ bản

5. **Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Toán chuyên đề 1 (Xác suất thống kê) là học phần cơ sở của chương trình đào tạo đại học ngành Kinh doanh thương mại. Học phần được bố trí giảng dạy sau môn học Toán cao cấp 1 và Toán cao cấp 2. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Xác suất thống kê gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.

6. **Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức: Hiểu được các khái niệm về không gian mẫu, xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên và một số quy luật thông dụng. Biết các phương pháp ước lượng, kiểm định và hồi quy tuyến tính

- Kỹ năng: Thành thạo cách tính xác suất của biến cố, biết cách xác định phân phối xác suất của các biến ngẫu nhiên. Nắm được các phương pháp ước lượng và kiểm định tham số.

- Thái độ: Nghiêm túc, trách nhiệm, chủ động, tích cực, chăm chỉ, cẩn thận.

7. **Nội dung chi tiết học phần:**

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
1	Chương 1: Biến cố ngẫu nhiên và xác suất <i>1.1. Phép thử và các loại biến cố</i> <i>1.2. Xác suất của biến cố</i> <i>1.3. Định nghĩa cổ điển về xác suất</i> <i>1.4. Định nghĩa thống kê về xác suất</i> <i>1.5. Nguyên lý xác suất lớn và nguyên lý xác suất nhỏ</i> <i>1.6. Mối quan hệ giữa các loại biến cố.</i> 1.6.1. Tổng của hai và nhiều biến cố 1.6.2. Tính xung khắc của các biến cố 1.6.3. Biến cố đối lập, nhóm đầy đủ các biến cố 1.6.4. Tích của hai và nhiều biến cố 1.6.5. Tính độc lập của các biến cố <i>1.7. Các định lý xác suất</i> 1.7.1. Định lý cộng xác suất cho các biến cố xung	3		1, 2, 3, 4, 5, 6

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	khắc 1.7.2. Định lý nhân xác suất cho các biến cố độc lập 1.7.3. Xác suất có điều kiện 1.7.4. Định lý nhân xác suất đối với hai và nhiều biến cố phụ thuộc 1.7.5. Định lý cộng xác suất đối với hai và nhiều biến cố không xung khắc 1.7.6. Công thức xác suất đầy đủ 1.7.7. Công thức Bayes			
2	Chương 2: Biến ngẫu nhiên và quy luật phân bố xác suất 2.1. Định nghĩa và phân loại biến ngẫu nhiên 2.2. Quy luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên 2.2.1. Bảng phân bố xác suất 2.2.2. Hàm phân bố xác suất 2.2.3. Hàm mật độ phân bố xác suất 2.3. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên 2.3.1. Kỳ vọng toán 2.3.2. Trung vị 2.3.3. Mốt 2.3.4. Phương sai 2.3.5. Độ lệch tiêu chuẩn 2.3.6. Hệ số biến thiên 2.3.7. Hệ số bất đối xứng và hệ số nhọn	3		1, 2, 3, 4, 5, 6
3	Chương 3: Một số quy luật phân phối và xác suất quan trọng 3.1. Quy luật không - một $A(p)$ 3.2. Quy luật nhị thức $-B(n,p)$ 3.2.1. Lược đồ Bernoulli 3.2.2. Công thức xác suất tích lũy 3.2.3. Xác định giá trị k^* có khả năng xảy ra lớn nhất. 3.3. Quy luật Poisson $P(\lambda)$ 3.4. Quy luật phân bố đều $U(a,b)$ 3.5. Quy luật chuẩn $N(\mu, \sigma)$ 3.6. Quy luật khi bình phương	3		1, 2, 3, 4, 5, 6

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<p>3.7. Quy luật Studen $T(n)$</p> <p>3.8 Quy luật Fisher-Snedecor $F(n,n)$</p>			
4	Chữa BT Chương 1,2,3.		3	1, 2, 3, 4, 5, 6
5	<p>Chương 4: Biến ngẫu nhiên hai chiều</p> <p>4.1. Khái niệm biến ngẫu nhiên hai chiều</p> <p>4.2. Bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc hai chiều</p> <p>4.3. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên hai chiều</p> <p>4.3.1. Phân phối xác suất biên</p> <p>4.3.2. Kỳ vọng toán học có điều kiện</p> <p>4.3.3. Khái niệm hàm hồi quy</p>	3		1, 2, 3, 4, 5, 6
6	<p>Chương 5: Luật số lớn</p> <p>5.1. Bất đẳng thức Trêbuseps</p> <p>5.2. Định lý Trêbuseps</p> <p>5.3. Định lý Bernoulli</p>	3		1, 2, 3, 4, 5, 6
7	<p>Chương 6: Cơ sở lý thuyết mẫu</p> <p>6.1. Khái niệm phương pháp mẫu</p> <p>6.2. Tổng thể nghiên cứu</p> <p>6.3. Mẫu ngẫu nhiên</p> <p>6.4. Thống kê và các đặc trưng của mẫu nghiên cứu</p> <p>6.4.1. Trung bình mẫu</p> <p>6.4.2. Tổng bình phương các sai lệch và trung bình tổng bình phương các sai lệch</p> <p>6.4.3. Phương sai mẫu</p> <p>6.4.4. Độ lệch tiêu chuẩn</p> <p>6.4.5. Tần suất mẫu</p> <p>6.5. Các thống kê đặc trưng của mẫu ngẫu nhiên hai chiều</p> <p>6.6. Quy luật phân phối xác suất của các tham số đặc trưng mẫu</p> <p>6.6.1. Trường hợp biến ngẫu nhiên gốc tuân theo quy luật phân phối chuẩn</p> <p>6.6.2. Trường hợp hai biến ngẫu nhiên gốc tuân theo quy luật phân phối chuẩn</p> <p>6.6.3. Trường hợp biến ngẫu nhiên gốc tuân theo quy luật phân phối không -mặt</p>	3		1, 2, 3, 4, 5, 6

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	6.6.4. Trường hợp hai biến ngẫu nhiên gốc tuân theo quy luật phân phối không -một			
8	Chữa bài tập Chương 4,5,6 + Kiểm tra		3	1, 2, 3, 4, 5, 6
9	Chương 7: Ước lượng các tham số của biến ngẫu nhiên <i>7.1. Phương pháp ước lượng điểm</i> 7.1.1. Ước lượng không chệch 7.1.2. Ước lượng hiệu quả 7.1.3. Ước lượng vững 7.1.4. Ước lượng hợp lý tối đa <i>7.2. Phương pháp ước lượng bằng khoảng tin cậy</i> 7.2.1. Các định nghĩa và khái niệm cơ bản 7.2.2. Ước lượng kỳ vọng toán của biến ngẫu nhiên phân phối chuẩn 7.2.3. Ước lượng phương sai của biến ngẫu nhiên phân phối chuẩn 7.1.1. Ước lượng kỳ vọng toán của biến ngẫu nhiên phân phối không - một	3		1, 2, 3, 4, 5, 6
10	Chương 8. Kiểm định giả thiết thống kê <i>8.1. Khái niệm chung</i> 8.1.1. Giả thiết thống kê 8.1.2. Tiêu chuẩn kiểm định 8.1.3. Miền bác bỏ 8.1.4. Quy tắc kiểm định giả thiết 8.1.5. Sai lầm loại 1 và loại 2. 8.1.6. Thủ tục kiểm định giả thiết <i>8.2. Kiểm định tham số</i> 8.2.1. Kiểm định giả thiết về kỳ vọng toán của biến ngẫu nhiên phân phối chuẩn 8.2.2. Kiểm định giả thiết về phương sai của biến ngẫu nhiên phân phối chuẩn 8.2.3. Kiểm định giả thiết về kỳ vọng toán của biến ngẫu nhiên phân phối A(p) 8.2.4. Kiểm định giả thiết về sự bằng nhau của hai kỳ vọng toán của hai biến ngẫu nhiên phân phối chuẩn 8.2.5. Kiểm định giả thiết về sự bằng nhau của hai phương sai của hai biến ngẫu nhiên phân phối chuẩn 8.2.6. Kiểm định giả thiết về sự bằng nhau của hai	3		1, 2, 3, 4, 5, 6

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	kì vọng toán của hai biến ngẫu nhiên phân phối A(p)			
11	<p>8.3. Kiểm định phi tham số</p> <p>8.3.1. Kiểm định giả thiết về quy luật phân phối xác suất</p> <p>8.3.2. Kiểm định giả thiết về tính độc lập của hai dấu hiệu định tính</p> <p>8.3.3. Kiểm định giả thiết về tính thuần nhất của các tổng thể nghiên cứu.</p>	2		1, 2, 3, 4, 5, 6
12	Chữa bài tập Chương 7,8 + Kiểm tra		2	1, 2, 3, 4, 5, 6

8. Tài liệu học tập:

1. Bài giảng Xác suất thống kê - Trường Đại học KT- KT- CN

9. Tài liệu tham khảo:

2. Xác suất thống kê - Đào Hữu Hồ, NXB Giáo Dục
3. Xác suất tổng kê - ĐH Kinh tế quốc dân HN
4. BT Xác suất thống kê - Đào Hữu Hồ, NXB Giáo Dục
5. BT Xác suất thống kê - ĐH Kinh tế quốc dân HN
6. Xác suất thống kê - ĐH Bách khoa HN.

10. Phương pháp đánh giá học phần:

- Đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên: đi học đầy đủ, thái độ tự học tốt ..., trọng số 10%
- Đánh giá điểm thực hành, thảo luận: chuẩn bị bài đầy đủ, tích cực thảo luận ..., trọng số 10%
- Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Hình thức tự luận, trọng số 20%
- Điểm thi kết thúc học phần: Hình thức thi tự luận, trọng số 60%

QUY HOẠCH TUYỂN TÍNH

1. Tên học phần : Quy hoạch tuyến tính

2. Số tín chỉ : 2 (27,3)

3. Tính chất học phần : Bắt buộc

4. Khoa phụ trách: Khoa Khoa học Cơ bản

5. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Quy hoạch tuyến tính gồm: Bài toán đơn hình, bài toán đơn hình đối ngẫu, bài toán vận tải. Mô hình toán kinh tế gồm sơ đồ mạng lưới và các phương pháp điều chỉnh sơ đồ mạng lưới.

6. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Quy hoạch tuyến tính và mô hình toán kinh tế để họ có đủ kiến thức nền tiếp thu những môn học chuyên ngành sau này.

- Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy có logic, có phương pháp phân tích, tổng hợp các vấn đề một cách khoa học.

- Thái độ: Nghiêm túc, trách nhiệm, chủ động, tích cực, chăm chỉ, cẩn thận.

7. Nội dung chi tiết học phần:

STT	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
1	Chương 1: Bài toán quy hoạch tuyến tính 1.1. Dạng của bài toán quy hoạch tuyến tính 1.1.1. Các ví dụ 1.1.2. Bài toán cơ bản của quy hoạch tuyến tính 1.1.3. Các định nghĩa	3		1,2,3,4
2	1.2. Giải bài toán quy hoạch tuyến tính bằng phương pháp đơn hình 1.2.1. Các dạng khác	3		1,2,3,4
3	1.3. Phương pháp đơn hình đối ngẫu 1.3.1. Cách lập bài toán đối ngẫu 1.3.2. Các định lý đối ngẫu 1.3.3. Phương pháp đơn hình đối ngẫu.	3		1,2,3,4

STT	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
4	Thảo luận chương 1. Bài tập chương 1. Kiểm tra		3	1,2,3,4
5	Chương 2: Bài toán vận tải 2.1. Dạng của bài toán vận tải 2.1.1. Bài toán cân bằng thu phát 2.1.2. Bài toán vận tải tổng quát 2.2. Một số tính chất của bài toán vận tải 2.2.1. Các định nghĩa 2.2.2. Các tính chất	3		1,2,3,4
6	2.3. Phương pháp giải một bài toán vận tải 2.3.1 Xây dựng phương án cơ bản đầu tiên 2.3.2. Tìm phương án tốt nhất bằng thế vị	3		1,2,3,4
7	2.4. Các trường hợp đặc biệt 2.4.1 Bài toán có cơ sở suy biến 2.4.2. Bài toán không cân bằng thu phát	3		1,2,3,4

STT	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
8	<p>Chương 3: Mô hình sơ đồ mạng lưới</p> <p>3.1. Khái niệm chung</p> <p>3.1.1. Khái niệm về đồ thị</p> <p>3.1.2. Sơ đồ mạng lưới</p> <p>3.2. Quy tắc thực hành để lập một sơ đồ mạng lưới</p> <p>3.2.1. Quy tắc thực hành</p> <p>3.2.2. Cách đánh số thứ tự các đỉnh</p> <p>3.3. Phân tích sơ đồ mạng lưới theo chỉ tiêu thời gian</p> <p>3.3.1 Xác định thời điểm sớm nhất, muộn nhất hoàn thành sự kiện</p> <p>3.3.2. Thời điểm sớm nhất, muộn nhất khởi công và hoàn thành công việc</p> <p>3.3.3. Quy tắc tìm đường Găng trong sơ đồ mạng lưới</p>	3		1,2,3,4
9	<p>3.4 Sơ đồ mạng lưới với các yếu tố thời gian và chi phí</p> <p>3.4.1 Tính toán thời gian hoàn thành công trình</p> <p>3.4.2. Điều chỉnh thời gian hoàn thành toàn bộ công trình</p>	3		1,2,3,4
10	<p>3.5 Bài toán cân đối tài nguyên</p> <p>3.5.1 Bài toán</p> <p>2.5.2. Phương pháp cân đối</p>	2		1,2,3,4
11	Thảo luận chương 2,3. Bài tập chương 2,3. Kiểm tra		2	1,2,3,4

8. Tài liệu học tập:

1. Bài giảng Quy hoạch tuyến tính - Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật CN.

9. Tài liệu tham khảo

- 23. Quy hoạch tuyến tính - NXB Giáo Dục
- 24. Mô hình toán kinh tế – ĐH Kinh tế quốc dân HN
- 25. Quy hoạch tuyến tính – ĐH Bách khoa.
- 26. BT quy hoạch tuyến tính – ĐH Tài chính kế toán.
- 27. BT Quy hoạch tuyến tính – ĐH Bách khoa HN.

10. Phương pháp đánh giá học phần:

- Đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên (đi học đầy đủ, thái độ tự học tốt ...); thực hành, thảo luận (chuẩn bị bài đầy đủ, tích cực thảo luận ...); kiểm tra đánh giá thường xuyên: trọng số 50%

- Điểm thi kết thúc học phần: Hình thức thi tự luận, trọng số 50%

VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Vật lý đại cương

2. Số tín chỉ : 4 (52, 8)

3. Tính chất học phần : Bắt buộc

4. Khoa phụ trách: Khoa Khoa học Cơ bản

5. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Hướng dẫn cho sinh viên nắm vững và hiểu rõ ý nghĩa của các đại lượng vật lý, nắm vững các định lý và các định luật vật lý có thể giải thích các hiện tượng và có khả năng giải quyết các bài toán thực tế cụ thể.

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các hiện tượng và các định luật vật lý để sinh viên có cơ sở học tốt được các môn học chuyên ngành kỹ thuật thuộc phạm vi đào tạo của trường đồng thời hình thành kiến thức nền vững chắc tạo điều kiện cho việc nghiên cứu khoa học sau này.

7. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	LT	BT	Tài liệu tham khảo
I	Phần thứ nhất: CƠ HỌC	12	2	1, 2, 3, 4
1	Chương 1: Cơ học chất điểm	4	1	
	1.1. Động học chất điểm	2	0,5	
	1.1.1. Phương trình chuyển động và phương trình quỹ đạo.	0,5	0	
	1.1.2. Vận tốc chuyển động của chất điểm.	0,5	0	
	1.1.3. Gia tốc chuyển động của chất điểm.	0,5	0	
	1.1.4. Khảo sát các dạng chuyển động đặc biệt	0,5	0,5	
	1.2. Động lực học chất điểm	1	0,5	
	1.2.1. Các định luật Niuton	0,5	0	
	1.2.2. Định luật bảo toàn động lượng	0,5	0,5	
	1.3. Nguyên lý tương đối Galilê	0,5	0	

	1.3.1. Nguyên lý tương đối	0,5	0	
	1.3.2. Định luật II Niuton viết trong hệ quy chiếu không quán tính.	0,5	0	
2	Chương 2: Chuyển động của vật rắn	4	1	
	2.1. Động học vật rắn	1	0	
	2.1.1. Động học vật rắn chuyển động tịnh tiến	0,5	0	
	2.1.2. Động học vật rắn chuyển động quay	0,5	0	
	2.2. Động lực học vật rắn	2	0,5	
	2.2.1. Động lực học vật rắn chuyển động tịnh tiến	1	0	
	2.2.2. Động lực học vật rắn chuyển động quay	1	0,5	
	2.3. Mô men động lượng, định luật bảo toàn xung lượng	1	0,5	
	2.3.1. Mô men động lượng và mô men xung lượng	0,5	0	
	2.3.2. Định luật bảo toàn mô men động lượng	0,5	0,5	
3	Chương 3: Công và năng lượng	4	0	
	3.1. Công và công suất.	1	0	
	3.1.1. Công	0,5	0	
	3.1.2. Công suất	0,5	0	
	3.2. Định lý biến thiên động năng và thế năng. Định luật bảo toàn cơ năng.	3	0	
	3.2.1. Động năng, định lý biến thiên động năng	1	0	
	3.2.2. Thế năng, định lý biến thiên thế năng	1	0	
	3.2.3. Định luật bảo toàn cơ năng chất điểm	1	0	
II	Phần thứ hai: VẬT LÝ PHÂN TỬ VÀ NHIỆT HỌC	11	2	1, 2, 3, 4

4	Chương 4: Phương trình trạng thái khí lý tưởng.	5	1	
	4.1. Các định luật cơ bản của chất khí lý tưởng	1	0	
	4.1.1. Thông số trạng thái	0,25	0	
	4.1.2. Các định luật thực nghiệm	0,25	0	
	4.1.3. Hệ thức PVT chất khí lý tưởng	0,5	0	
	4.2. Phương trình trạng thái khí lý tưởng	2	0,5	
	4.2.1. Phương trình trạng thái đối với một kmol	0,5	0	
	4.2.2. Phương trình trạng thái đối với một lượng khí bất kỳ	1,0	0,25	
	4.2.3. Áp dụng	0,25	0,25	
	4.3. Thuyết động học phân tử về chất khí	2	0	
	4.3.1. Cấu tạo phân tử các chất	0,5	0	
	4.3.2. Nội dung thuyết động học phân tử	0,5	0	
	4.3.3. Phương trình thuyết động học phân tử	1,0	0	
5	Chương 5: Nội năng khí lý tưởng.	4	1	
	5.1. Nội năng khí lý tưởng và định lý phân bố năng lượng theo số bậc tự do.	1	0	
	5.1.1. Định luật phân bố năng lượng theo số bậc tự do.	0,25	0	
	5.1.2. Nội năng của khí lý tưởng	0,25	0	
	5.1.3. Cường độ biến thiên nội năng của khí lý tưởng	0,25	0	
	5.1.4. Các định luật phân bố phân tử	0,25	0	
	5.2. Nguyên lý thứ nhất nhiệt động học.	1	0	
	5.2.1. Năng lượng, nhiệt và công.	0,25	0	
	5.2.2. Nguyên lý thứ nhất	0,25	0	
	5.2.3. Ứng dụng nguyên lý thứ nhất	0,5	0	

	5.3. Nội dung nguyên lý thứ hai nhiệt động học	1	1	
	5.3.1. Nguyên lý thứ hai NDH	0,5	0,5	
	5.3.2. Ứng dụng nguyên lý thứ hai NDH	0,5	0,5	
6	Chương 6: Khí thực	2	0	
	6.1. Phương trình trạng thái khí thực.	2	0	
	6.1.1. Công tích và nội áp	0,5	0	
	6.1.2. Phương trình trạng thái khí thực	0,5	0	
	6.1.3. Nội năng khí thực, hiệu ứng Jun - Tômxơn	1	0	
III	Phần thứ ba: ĐIỆN VÀ TỪ	12	2	1, 2, 3, 4
7	Chương 7: Tĩnh điện học	4	2	
	7.1. Điện trường, tương tác tĩnh điện, định luật Cu lông, véc tơ cường độ điện trường, nguyên lý chồng chất.	1	1	
	7.1.1. Khái niệm về điện trường	0,25	0,25	
	7.1.2. Định luật Cu lông- Véc tơ cường độ điện trường	0,25	0,5	
	7.1.3. Véc tơ cường độ điện trường gây bởi một điện tích điểm	0,25	0,5	
	7.1.4. Véc tơ cường độ điện trường gây bởi một hệ điện tích điểm.	0,25	0	
	7.2. Ứng dụng nguyên lý chồng chất, véc tơ lưỡng cực điện.	0,5	0	
	7.2.1. Lưỡng cực điện	0,25	0	
	7.2.2. Ứng dụng của nguyên lý chồng chất	0,25	0	
	7.3. Định lý Ôxtrôgrátxki – Gau xơ	1	0,5	
	7.3.1. Thông lượng điện trường	0,25	0	
	7.3.3. Thông lượng điện cảm	0,25	0	
	7.3.4. Định lý Ôtrôgrátxki – Gauxơ (O-G)	0,25	0	
	7.3.5. Ứng dụng định lý O-G	0,25	0,5	

	7.4. Thế năng của trường tĩnh điện, khái niệm điện thế và hiệu điện thế.	1	0,5	
	7.4.1. Thế năng của trường tĩnh điện	0,5	0	
	7.4.2. Điện thế và hiệu điện thế	0,25	0,25	
	7.4.3. Liên hệ giữa điện thế với điện trường	0,25	0,25	
	7.5. Vật dẫn và chất điện môi.	0,25	0	
	7.5.1. Vật dẫn			
	7.5.2. Chất điện môi			
	7.5.3. Véc tơ phân cực điện môi			
	7.6. Năng lượng điện trường	0,25	0	
	7.6.1. Năng lượng tương tác trong hệ điện tích điểm			
	7.6.2. Năng lượng điện của vật dẫn cô lập điện tích			
	7.6.3. Năng lượng điện của tụ điện			
	7.6.4. Năng lượng điện trường			
8	Chương 8: Dòng điện	4	0	
	8.1. Bản chất dòng điện, các đại lượng đặc trưng	1	0	
	8.1.1. Định nghĩa và bản chất của dòng điện	0,5	0	
	8.1.2. Những đại lượng đặc trưng của dòng điện	0,5	0	
	8.2. Các định luật với dòng điện không đổi.	1	0	
	8.2.1. Định luật Ôm với đoạn mạch trở thuần	0,25	0	
	8.2.2. Định luật Ôm tổng quát của mạch kín	0,25	0	
	8.2.3. Định luật Ôm tổng quát của đoạn mạch	0,25	0	
	8.2.4. Định luật Kiêchốp	0,25	0	
	8.3. Ứng dụng các định luật với dòng điện không đổi	0,5	0	

	8.3.1. Các bài toán về biến đổi mạch điện	0,5	0	
	8.3.2. Các bài toán về sự phối hợp giữa các định luật.	0,5	0	
	8.4. Ứng dụng các định luật với dòng điện xoay chiều.	1	0	
	8.4.1. Giải các bài toán bằng phương pháp giản đồ véc tơ	0,5	0	
	8.4.2. Giải các bài toán bằng phương pháp biểu diễn số phức.	0,5	0	
9	Chương 9: Từ trường và cảm ứng từ	3	0	
	9.1. Véc tơ cảm ứng từ, véc tơ cường độ từ trường.	0,5	0	
	9.1.1. Khái niệm từ trường			
	9.1.2. Véc tơ cảm ứng từ			
	9.1.3. Nguyên lý chồng chất từ trường			
	9.1.4. Véc tơ cường độ từ trường			
	9.2. Từ thông, định lý Ôtrôgratxki – Gausơ đối với từ trường	1	0	
	9.2.1. Từ thông	0,5		
	9.2.2. Định luật Ôtrôgratxki – Gausơ đối với từ trường	0,5		
	9.3 Lưu số véc tơ cường độ từ trường và định lý về dòng điện toàn phần.	0,5	0	
	9.3.1. Lưu số của véc tơ cường độ từ trường	0,25		
	9.3.2. Định lý Ampe về dòng điện toàn phần	0,25		
	9.4. Tác dụng của từ trường lên dòng điện. Chuyển động của hạt trong từ trường	1	0	
	9.4.1. Tác dụng của từ trường lên dòng điện	0,5		
	9.4.2. Chuyển động của hạt điện tích trong từ trường. Công của lực từ	0,5		

	9.5. Các hiện tượng cảm ứng điện từ, năng lượng từ trường.	1	0,5	
	9.5.1. Hiện tượng cảm ứng điện từ	0,5	0,25	
	9.5.2. Năng lượng từ trường	0,5	0,25	
	9.6. Sự từ hóa, thuận từ và nghịch từ.	1	0,5	
	9.6.1. Sự từ hóa	0,5	0,25	
	9.6.2. Chất nghịch từ và thuận từ	0,5	0,25	
10	Chương 10: Trường điện từ	1	0	
	10.1. Các luận điểm của Mắcxoen – Faraday: Phương trình $M - F$	0,5	0	
	10.1.1. Luận điểm thứ nhất	0,25		
	10.1.2. Luận điểm thứ hai	0,25		
	10.2. Trường điện từ và hệ thống các phương trình Mắcxoen.	0,5	0	
	10.2.1. Trường điện từ			
	10.2.2. Hệ thống các phương trình Mắcxoen.	0,25		
	10.2.3. Tính chất điện và từ.	0,25		
IV	Phần thứ tư: DAO ĐỘNG VÀ SÓNG	5	0	1, 2, 3, 4
11	Chương 11: Dao động và sóng	5	0	
	11.1. Dao động cơ học điều hòa, dao động tắt dần, dao động cưỡng bức	1	0	
	11.1.1. Dao động cơ học điều hòa	0,25		
	11.1.2. Dao động cơ học tắt dần	0,25		
	11.1.3. Dao động cơ học cưỡng bức	0,5		
	11.2. Sóng cơ học.	2	0	
	11.2.1. Khái niệm và đặc trưng của sóng	0,5	0	
	11.2.2. Phương trình truyền sóng và tính chất tuần hoàn.	1	0	
	11.2.3. Năng lượng của sóng	0,5	0	

	11.3. Dao động điện từ không tắt, dao động điện từ tắt dần, dao động điện từ cưỡng bức.	1	0	
	11.3.1. Dao động điện từ riêng không tắt	0,5		
	11.3.2. Dao động điện từ tắt dần.	0,25		
	11.3.3. Dao động điện từ cưỡng bức.	0,25		
	11.4. Sóng điện từ.	1		
	11.4.1. Khái niệm và các đặc trưng của sóng	0,25		
	11.4.2. Phương trình sóng điện từ	0,25		
	11.4.3. Năng lượng sóng điện từ	0,25		
	11.4.4. Ứng dụng sóng điện từ	0,25		
V	Phần thứ năm: QUANG HỌC VÀ NGUYÊN TỬ	12	2	1, 2, 3, 4
12	Chương 12: Những cơ sở về quang học	5	2	
	12.1. Hiện tượng giao thoa.	2	1	
	12.1.1. Những cơ sở quang học liên quan đến hiện tượng giao thoa.	1	0,5	
	12.1.2. Hiện tượng giao thoa.	1	0,5	
	12.2. Hiện tượng nhiễu xạ	2	1	
	12.2.1. Hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng	1	0,5	
	12.2.2. Nguyên lý Huyghen-Fresnel	1	0,5	
	12.3. Hiện tượng phân cực ánh sáng.	1	0	
	12.3.1. Ánh sáng tự nhiên và ánh sáng phân cực	0,5	0	
	12.3.2. Sự phân cực ánh sáng do phản xạ và khúc xạ	0,5	0	
13	Chương 13: Quang học lượng tử	4	0	
	13.1. Thuyết lượng tử	4	0	
	13.1.1. Bức xạ nhiệt	1		
	13.1.2. Thuyết lượng tử của Plank	1		

	13.1.3.Thuyết phonon của Einstein	2		
14	Chương 14: Vật lý nguyên tử và hạt nhân	3	0	
	14.1.Cơ học lượng tử	1	0	
	14.1.1.Tính sóng hạt của vật chất trong thế giới vi mô	0,25	0	
	14.1.2. Hệ thức bất định Haidenbec	0,25	0	
	14.1.3 Hàm sóng và ý nghĩa thống kê của nó	0,25	0	
	14.1.4. Phương trình cơ bản của cơ học lượng tử	0,25	0	
	14.2 Vật lý nguyên tử	1		
	14.2.1.Nguyên tử Hiđr ô	0,25		
	14.2.2. Momen động lượng và mômen tử của Electron chuyển động xung quanh hạt nhân	0,5		
	14.2.3. Spin của Electron.	0,25		
	14.3. Vật lý hạt nhân	1		
	14.3.1. Những tính chất cơ bản của hạt nhân nguyên tử.	0,25		
	14.3.2. Hiện tượng phóng xạ - tương tác hạt nhân	0,25		
	14.3.3. Phản ứng nhiệt hạch và phản ứng dây chuyền..	0,5		

8. Tài liệu học tập:

- Sách, giáo trình chính:

1. Bài giảng Vật lý đại cương - Trường Đại học KT- KT- CN

9. Tài liệu tham khảo

- Sách tham khảo, tài liệu khác:

2. Vật lý đại cương dùng cho sinh viên các trường đại học kỹ thuật (3 tập) – Tác giả: Lương Duyên Bình – Nhà xuất bản giáo dục
3. Vật lý đại cương dùng cho sinh viên các trường đại học khối kỹ thuật – Tác giả: Đặng Quang Khang – ĐHBK Hà Nội.

4. Cơ sở vật lý - Tác giả : David Halliday-Robert Resnick-Jearl Walker- Nhà xuất bản giáo dục 1996

10. Phương pháp đánh giá học phần:

- Đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên (đi học đầy đủ, thái độ tự học tốt ...); thực hành, thảo luận (chuẩn bị bài đầy đủ, tích cực thảo luận ...); kiểm tra đánh giá thường xuyên: trọng số 50%

- Điểm thi kết thúc học phần: Hình thức thi tự luận, trọng số 50%

HÓA HỌC I

16. Tên học phần: **Hoá học I**

17. Số tín chỉ: 02 (27,6)

18. Tính chất học phần: **Bắt buộc.**

19. Khoa phụ trách: Khoa khoa học cơ bản

5. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Trang bị cho người học những kiến thức về cơ sở lý thuyết hóa học, các nguyên tố trong các phân nhóm chính và các nguyên tố chuyển tiếp.

20. Mục tiêu của học phần:

Sinh viên nắm vững cơ sở lý thuyết hoá học; quy luật cấu tạo của các nguyên tố trong phân nhóm chính; các nguyên tố chuyển tiếp cũng như tính chất lý hoá của chúng; giải được các bài tập liên quan; thành thạo kỹ năng thao tác thí nghiệm cơ bản

21. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
1	Ch--ng 1: Đại cương hoá vô cơ 1.1. Các khái niệm mở đầu và các định luật hoá học cơ bản 1.1.1. Các khái niệm cơ bản 1.1.2. Các định luật hoá học cơ bản 1.2. Cấu tạo nguyên tử, định luật tuần hoàn và HTTH các nguyên tố. 1.2.1. Cấu tạo nguyên tử theo các thuyết cổ điển và theo quan điểm hiện đại. 1.2.2. Định luật tuần hoàn – HTTH các nguyên tố hoá học của Mendeleev và dưới ánh sáng của thuyết cấu tạo nguyên tử.	3		1,2,3,4,5,6
2	1.3. Liên kết hoá học. 1.3.1. Phương pháp VB. 1.3.2. Phương pháp MO .	3		1,2,3,4,5,6
3	14. Dung dịch và cân bằng hoá học. 1.3.1. Dung dịch: Khái niệm, tính chất, nồng độ. 1.3.2. Cân bằng hóa học: tốc độ phản ứng; cân bằng hóa học.	3		1,2,3,4,5,6

STT	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
4	<p>1.5. Thuyết điện li.</p> <p>1.4.1. Sự điện li của axit, bazơ, muối theo thuyết điện li.</p> <p>1.4.2. Độ điện li - Định luật tác dụng khối lượng đối với sự điện li.</p> <p>1.4.3. Sự điện li của nước.</p> <p>1.4.4. Hiện tượng thủy phân của muối.</p>	3		1,2,3,4,5,6
5	<p>1.6. Phản ứng oxi hoá khử.</p> <p>1.5.1. Khái niệm.</p> <p>1.5.2. Cân bằng phản ứng oxi hoá khử bằng các phương pháp khác nhau.</p> <p>1.7. Phức chất.</p> <p>1.6.1. Khái niệm, cấu tạo, danh pháp.</p> <p>1.6.2. Sự phân li; cách phá huỷ phức chất</p> <p>1.8. Hidro và nước.</p> <p>1.7.1. Hidro: nguyên tử; phân tử; hợp chất.</p> <p>1.7.2. Nước: Tính chất, ứng dụng.</p>	3		1,2,3,4,5,6
6	<p>1.9. Đại cương về kim loại.</p> <p>1.8.1. Tính chất vật lí.</p> <p>1.8.2. Tính chất hoá học</p> <p>1.10. Ăn mòn và chống ăn mòn kim loại.</p> <p>1.10.1. Ăn mòn kim loại.</p> <p>1.10. Các phương pháp chống ăn mòn kim loại.</p>	3		1,2,3,4,5,6
7	<p>Bài tập 1.1, 1.2, 1.3, 1.4</p> <p>Bài tập 1.5, 1.6, 1.7, 1.8,1.9,1.10.</p>		3	1,2,3,4,5,6
8	<p>Chương 2: Hoá học các nguyên tố.</p> <p>2.1. Các nguyên tố phân nhóm chính nhóm 7.</p> <p>2.1.1. Đặc điểm chung.</p> <p>2.1.2. Clo và hợp chất của clo.</p> <p>2.1.3. Sơ lược về Flo; Brom; Iot và các hợp chất của chúng.</p> <p>2.2. Các nguyên tố phân nhóm chính nhóm 1.</p> <p>2.2.2. Natri và hợp chất của natri.</p> <p>2.2.3. Sơ lược các n.tố khác trong nhóm.</p>	3		1,2,3,4,5,6

STT	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
9	<p>2.3. Các nguyên tố phân nhóm chính nhóm 6. 2.3.1. Đặc điểm chung. 2.3.2. Oxi và hợp chất của oxi. 2.3.3. Lưu huỳnh và hợp chất của lưu huỳnh.</p> <p>2.4. Các nguyên tố phân nhóm chính nhóm 5. 2.4.1. Đặc điểm chung 2.4.2. Nitơ và hợp chất của nitơ 2.4.3. Photpho và hợp chất của photpho</p> <p>2.5. Các nguyên tố phân nhóm chính nhóm 4 2.5.1. Đặc điểm chung 2.5.2. Cacbon và hợp chất của cacbon 2.5.3. Silic và hợp chất của Silic.</p>	3		1,2,3,4,5,6
10	<p>2.6. Các nguyên tố phân nhóm chính nhóm 3. 2.6.1. Đặc điểm chung 2.6.2. Nhôm và hợp chất của nhôm 2.3.3. Bo và hợp chất của Bo</p> <p>2.7. Các nguyên tố phân nhóm chính nhóm 2. 2.7.1. Đặc điểm chung 2.7.2. Canxi và hợp chất của canxi 2.7.3. Magie và hợp chất của Magie</p> <p>2.8. Các nguyên tố chuyển tiếp</p>	3		1,2,3,4,5,6
11	<p>Bài tập 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5. Bài tập 2.6, 2.7, 2.8.</p>		3	1,2,3,4,5,6

8. Tài liệu học tập:

1. Bài giảng Hóa học I - Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật CN.

9. Tài liệu tham khảo

2. Hoá vô cơ tập I, II, III – Hoàng Nhâm, Hoàng Ngọc Cang
3. Thí nghiệm hoá vô cơ – ĐHBK Hà Nội
4. Cơ sở lý thuyết hoá học - Nguyễn Đình Chi – NXB Giáo dục – 2007.
5. Hoá đại cương và vô cơ – ĐHBK Hà Nội 1988
6. Cơ sở lý thuyết – Bùi Đức Nhuận 1991

10. Phương pháp đánh giá học phần:

- Đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên (đi học đầy đủ, thái độ tự học tốt ...); thực hành, thảo luận (chuẩn bị bài đầy đủ, tích cực thảo luận ...); kiểm tra đánh giá thường xuyên: trọng số 50%
- Điểm thi kết thúc học phần: Hình thức thi tự luận, trọng số 50%

QUẢN TRỊ HỌC

- 1. Tên học phần:** Quản trị học.
- 2. Số tín chỉ:** 3(39,12)
- 3. Tính chất học phần:** Bắt buộc.
- 4. Khoa phụ trách:** Khoa Quản trị kinh doanh
- 5. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Quản trị học là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị các kiến thức về quản trị và sự vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Khái niệm và bản chất của quản trị; Nhà quản trị; Môi trường quản trị; Các lý thuyết quản trị; Các chức năng của quản trị như: Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra. Học phần cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới / thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp

6. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức: Hiểu được khái niệm và bản chất của quản trị; Nhà quản trị; Môi trường quản trị; Các lý thuyết quản trị; Các chức năng của quản trị như: Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra; Biết được một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới / thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

- Kỹ năng: Vận dụng các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị, các kỹ năng lãnh đạo dành cho cán bộ quản lý và các vấn đề mới của quản trị vào thực tiễn doanh nghiệp.

- Thái độ: Nghiêm túc, trách nhiệm, chủ động, tích cực, chăm chỉ, cẩn thận.

7. Nội dung chi tiết học phần

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
1	Chương 1: Tổng quan về quản trị học 1. Khái niệm và bản chất của quản trị, nhà quản trị <i>1.1. Quan niệm về quản trị</i> <i>1.2. Bản chất của quản trị</i> <i>1.3. Nhà quản trị</i> 2. Văn hoá tổ chức và môi trường quản trị <i>2.1. Văn hoá tổ chức</i> <i>2.2. Khái niệm và phân loại môi trường quản trị</i> <i>2.3. Ảnh hưởng của môi trường đối với tổ chức</i>	4		1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
2	3. Sự phát triển của lý thuyết quản trị 3.1. Lý thuyết cổ điển về quản trị 3.2. Lý thuyết tâm lý xã hội trong quản trị 3.3. Lý thuyết định lượng trong quản trị 3.4. Lý thuyết quản trị hiện đại 4. Đối tượng nghiên cứu và nhiệm vụ môn học	4		1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
3	Chương 2: Chức năng hoạch định 1. Khái niệm và vai trò của hoạch định 1.1. Khái niệm 1.2. Phân loại 1.3. Vai trò 2. Mục tiêu, cơ sở khoa học và tiến trình hoạch định 2.1. Mục tiêu hoạch định 2.2. Cơ sở khoa học của hoạch định 2.3. Tiến trình của hoạch định 3. Hoạch định chiến lược và hoạch định tác nghiệp 3.1. Hoạch định chiến lược 3.2. Hoạch định tác nghiệp 4. Quyết định quản trị	4		1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
4	THẢO LUẬN CHƯƠNG 1, CHƯƠNG 2		4	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
5	Chương 3: Chức năng tổ chức 1. KHÁI NIỆM, MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC CỦA CÔNG TÁC TỔ CHỨC 1.1. Khái niệm và tầm quan trọng của công tác tổ chức 1.2. Mục tiêu của công tác tổ chức 1.3. Các nguyên tắc tổ chức quản trị 2. MỘT SỐ CƠ SỞ TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC 2.1. Tầm hạn quản trị 2.2. Quyền lực trong quản trị 2.3. Phân bổ quyền hạn giữa các cấp quản trị	4		1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
6	3. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ 3.1. Khái niệm 3.2. Các yêu cầu đối với cơ cấu tổ chức quản trị	4		1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	3.3. Các kiểu cơ cấu tổ chức quản trị 3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức			
7	Chương 4: Chức năng lãnh đạo <i>1. KHÁI NIỆM, NỘI DUNG VÀ VAI TRÒ CỦA LÃNH ĐẠO</i> 1.1. Khái niệm và bản chất của lãnh đạo 1.2. Nội dung lãnh đạo 1.3. Vai trò của lãnh đạo trong tổ chức <i>2. CÁC LÝ THUYẾT VỀ ĐỘNG CƠ LÀM VIỆC CỦA NHÂN VIÊN</i> 2.1. Lý thuyết cổ điển 2.2. Lý thuyết tâm lý	4		1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
8	2.3. Lý thuyết hiện đại <i>3. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO</i> 3.1. Các phương pháp lãnh đạo 3.2. Các phong cách lãnh đạo <i>4. LÃNH ĐẠO NHÓM</i>	4		1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
9	Thảo luận Chương 3, Chương 4, Kiểm tra		4	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
10	Chương 5: Chức năng kiểm tra <i>1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ KIỂM TRA</i> 1.1. Khái niệm 1.2. Bản chất của kiểm tra 1.3. Vai trò của kiểm tra 1.4. Nội dung và mức độ kiểm tra 1.5. Những yêu cầu đối với hệ thống kiểm tra <i>2. QUÁ TRÌNH KIỂM TRA</i> 2.1. Công tác chuẩn bị 2.2. Thu thập các thông tin liên quan đến đối tượng kiểm tra 2.3. So sánh đối chiếu giữa tình hình thực tế với các tiêu chuẩn kiểm tra 2.4. Xác định các sai lệch và nguyên nhân của nó 2.5. Kết luận kiểm tra, công bố kết quả <i>3. CÁC HÌNH THỨC VÀ KỸ THUẬT KIỂM TRA</i> 3.1. Các hình thức kiểm tra	4		1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<i>3.2. Các kỹ thuật kiểm tra</i>			
11	Chương 6: Một số vấn đề của quản trị học hiện đại <i>1. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ HỆ THỐNG HỖ TRỢ QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ</i> <i>2. QUẢN TRỊ SỰ THAY ĐỔI VÀ ĐỔI MỚI TỔ CHỨC</i>	4		1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
12	<i>3. QUẢN TRỊ XUNG ĐỘT VÀ HỢP TÁC</i> <i>4. QUẢN TRỊ RỦI RO</i> <i>5. QUẢN TRỊ HIỆU NĂNG CÔNG VIỆC VÀ STRESS</i>	3		1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
13	Thảo luận Chương 5, Chương 6, Kiểm tra		4	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8

8. Tài liệu học tập:

1. Bài giảng Quản trị học - Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.
2. Giáo trình Quản trị học - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội 2005.

9. Tài liệu tham khảo:

3. Quản trị học - Nguyễn Hải Sản, Nhà xuất bản Thống kê 1998.
4. Quản trị học - Nguyễn Thanh Hội và Phan Thăng, Nhà xuất bản Thống kê 2001.
5. Quản trị học căn bản - JAMES H. Donnelly, JR; JAMES L. Gibson; JOHN M. Ivancevich, Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội 2001
6. Quản trị học - Nguyễn Thị Liên Diệp, Nhà xuất bản Thống kê 1994
7. Quản trị học - Trường Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh.
8. Quản trị học - TS. Đoàn Gia Dũng, Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội 2002.

10. Phương pháp đánh giá học phần:

- Đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên: đi học đầy đủ, thái độ tự học tốt ..., trọng số 10%
- Đánh giá điểm thực hành, thảo luận: chuẩn bị bài đầy đủ, tích cực thảo luận ..., trọng số 10%
- Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Hình thức tự luận, trọng số 20%
- Điểm thi kết thúc học phần: Hình thức thi tự luận, trọng số 60%

HÓA HỌC II

22. Tên học phần: Hoá học II

23. Số tín chỉ: 02 (27,3)

24. Tính chất học phần: Tự chọn

25. Khoa phụ trách: Khoa khoa học cơ bản.

5. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các khái niệm cơ bản trong hóa hữu cơ, tính chất lý hóa, điều chế các hợp chất mạch thẳng, mạch vòng; các khái niệm mở đầu về hóa polyme, các biến đổi hóa học polyme, các phương pháp tổng hợp polyme.

6. Mục tiêu của học phần:

- Sinh viên phải nắm vững các kiến thức cơ bản của hoá hữu cơ và của hợp chất polyme.
- Giải thành thạo các bài tập hữu cơ.

7. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
1	Chương 1: Các khái niệm mở đầu 1.1. Các khái niệm mở đầu 1.1.1. Các khái niệm mở đầu, bậc cacbon, bậc của gốc 1.1.2. Đặc điểm của các phản ứng hữu cơ và các hợp chất hữu cơ 1.2. Tác nhân phản ứng và cơ chế phản ứng 1.2.1. Khái niệm về tác nhân phản ứng 1.2.2. Khái niệm về cơ chế phản ứng 1.2.3. Ảnh hưởng qua lại của nguyên tử trong phân tử	3		1,2,3,4,5,
2	Chương 2: Các hợp chất hữu cơ 2.1. Hidrocacbon 2.1.1. Hidrocacbon no 2.1.1.1. Hidrocacbon no mạch hở: Ankan 2.1.1.2. Hidrocacbon no mạch vòng: Xicloankan 2.1.2. Hidrocacbon không no 2.1.2.1. Hidrocacbon không no mạch hở: anken, ankin, ankadien 2.1.2.2. Hidrocacbon thơm	3		1,2,3,4,5,

STT	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
3	<p>2.2. Dẫn xuất halogenua hiđrocacbon</p> <p>2.2.1. Định nghĩa, cấu tạo, tên gọi</p> <p>2.2.2. Điều chế</p> <p>2.2.3. Tính chất lý, hoá</p> <p>2.2.4. Giới thiệu một số dẫn xuất quan trọng</p> <p>2.3. Ancol – Phenol - Hợp chất ete</p> <p>2.3.1. Khái niệm về nhóm chức ancol, phenol. Các bậc của ancol.</p> <p>2.3.2. Các phương pháp điều chế ancol, phenol</p> <p>2.3.3. Tính chất ancol, phenol</p> <p>2.3.4. Ancol đa chức</p> <p>2.3.5. Cấu tạo, danh pháp, điều chế ete</p> <p>2.3.6. Tính chất và ứng dụng của ete</p>	3		1,2,3,4,5,
4	<p>2.4. Andehit và xeton</p> <p>2.4.1. Khái niệm chung. Các phương pháp điều chế</p> <p>2.4.2. Tính chất lý, hoá</p> <p>2.4.3. Ứng dụng .</p>	3		1,2,3,4,5,
5	<p>2.5. Axit hữu cơ – este</p> <p>2.5.1. Khái niệm chung</p> <p>2.5.2. Giới thiệu một số axit</p> <p>2.5.3. Axit đa chức</p> <p>2.5.4. Điều chế, tính chất, ứng dụng của este</p>	3		1,2,3,4,5,
6	<p>2.6. Các hợp chất của nitơ</p> <p>2.6.1. Hợp chất nitro</p> <p>2.6.2. Hợp chất amin</p> <p>2.6.3. Hợp chất muối diazoni</p> <p>2.7. Hợp chất dị vòng</p> <p>3.9.1. Khái niệm chung về hợp chất dị vòng</p> <p>3.9.2. Giới thiệu một số hợp chất dị vòng</p>	3		1,2,3,4,5,
7	Bài tập 1.1, 1.2, 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5.		3	1,2,3,4,5,
8	<p>2.8. Protit – Gluxit – Lipit</p> <p>2.7.1. Amino axit</p> <p>2.7.2. Protit</p> <p>2.7.3. Mono và đisaccarit</p> <p>2.7.4. Tinh bột</p> <p>2.7.5. Xenlulozo</p> <p>2.7.6. Lipit</p>	3		1,2,3,4,5,

STT	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
9	Chương 3: Hoá học polymer 3.1. Phần mở đầu 3.2. Các phương pháp tổng hợp polyme 3.2.1. Các phương pháp trùng hợp 3.2.2. Các phương pháp trùng ngưng	3		1,2,3,4,5,
10	3.3. Biến đổi hoá học polyme 3.3.1. Đặc điểm của phản ứng hóa học polymer 3.3.2. Biến đổi polyme tương tự 3.3.3. Phản ứng cao phân tử	3		1,2,3,4,5,
11	Bài tập 2.6, 2.7, 2.8, 3.1, 3.2.		3	1,2,3,4,5,

8. Tài liệu học tập:

1. Bài giảng Hóa học II - Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật CN.

9. Tài liệu tham khảo

2. Hoá học hữu cơ tập I, II

Đại học sư phạm: Nguyễn Hồ - Nguyễn Đình Răng

3. Hoá học hợp chất cao phân tử Đại học Bách Khoa

4. Hoá học hữu cơ hiện đại tập I, II, III: John D.Roberts – Marjorie C.Caserio.

Nhà xuất bản KHKT

5. Hoá học hữu cơ Đặng Như Tại, Trần Quốc Sơn - NXB Đại học Quốc Gia 2004

10. Phương pháp đánh giá học phần:

- Đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên (đi học đầy đủ, thái độ tự học tốt ...); thực hành, thảo luận (chuẩn bị bài đầy đủ, tích cực thảo luận ...); kiểm tra đánh giá thường xuyên: trọng số 50%
- Điểm thi kết thúc học phần: Hình thức thi tự luận, trọng số 50%

1. Tên học phần: Logic học.
2. Số tín chỉ: 02.
3. Tính chất học phần: Bắt buộc.
4. Học phần thay thế, tương đương: Không.
5. Phân bổ thời gian giảng dạy trong học kỳ: 2(26, 8, 3)/ 12 (12 tuÇn thùc hăc)

- Số tiết thực lên lớp: 34 tiết.
 - Lý thuyết: 26 tiết
 - Thảo luận: 8 tiết
- Số giờ sinh viên tự học: 4 giờ/tuần x 12 tuần = 48 giờ.

6. **Đánh giá:** Theo quy chế và quy định của Nhà trường.

7. **Điều kiện học:**

- Học phần tiên quyết: Không.
- Học phần học trước: Không.
- Học phần song hành:
- Ghi chú khác:

8. **Mục tiêu của học phần:**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản logic học những hình thức, quy tắc quy luật chi phối sự phát triển của tư duy, góp phần rèn luyện tư duy logic, tiếp thu trí thức có hiệu quả. Từ đó hình thành thói quen tự kiểm tra, phán đoán và lập luận có logic trong các tình huống.

9. **Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Môn học trang bị cho người học những vấn đề cơ bản của logic học, những cơ sở lí luận chung, những phương pháp nhận thức khoa học, phương pháp chứng minh, phương pháp xác nhận giả thuyết.

10. **Nhiệm vụ của Sinh viên:**

- Dự lớp đầy đủ, đúng giờ, thực hiện tốt các nội quy của Nhà trường trong giờ lên lớp
- Thực hiện tốt các bài tập, bài tập lớn, thảo luận, thực hành môn học, thí nghiệm, tiểu luận theo yêu cầu của giáo viên.
- Phải đọc và nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu tham khảo, chuẩn bị các ý kiến, đề xuất khi nghe giảng.

11. **Tài liệu học tập:**

1. Bài giảng chính của Trường ĐH KT-KT CN

12. **Tài liệu tham khảo:**

2. Logic học đại cương – Vương Tất Đạt – NXBĐHQG Hà Nội.

13. **Tiêu chuẩn đánh giá Sinh viên:**

- Theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Theo quyết định số 29/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 09 tháng 10 năm 2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Hình thức thi kết thúc học phần: Thi viết

14. Cán bộ tham gia giảng dạy

Là giáo viên cơ hữu, giáo viên kiêm nhiệm, giáo viên thỉnh giảng do Khoa, Bộ môn quản lý, phân công giảng dạy khi có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn, được Hiệu trưởng duyệt.

13.1. Giảng lý thuyết

Giảng viên có học vị từ Thạc sỹ trở lên, có kinh nghiệm trong giảng dạy hoặc hướng dẫn thảo luận, được Bộ môn phân công.

13.1. Hướng dẫn làm bài tập, bài tập lớn, thảo luận, thực hành môn học, thí nghiệm, tiểu luận.

Là giảng viên, giáo viên có học vị từ Cử nhân trở lên, có kinh nghiệm trong giảng dạy hoặc hướng dẫn thảo luận, được Bộ môn phân công.

15. Nội dung chi tiết học phần (3 tiết/tuần)

Tuần học	Nội dung	Tài liệu hoặc tệp, tham khảo	Hình thức học
1	<p>Chương 1: Đối tượng và ý nghĩa của logic học.</p> <p>1.1. Quá trình nhận thức và hình thức tư duy.</p> <p>1.1.1. Đặc điểm của tư duy trừu tượng.</p> <p>1.1.2. Hình thức cơ bản của tư duy trừu tượng.</p> <p>1.2. Khái niệm về hình thức logic và qui luật logic.</p> <p>1.2.1. Khái niệm về hình thức logic của tư duy.</p> <p>1.2.2. Khái niệm về quy luật logic của tư duy.</p> <p>1.3. Logic học và ngôn ngữ. ý nghĩa của logic học .</p> <p>1.3.1. Logic học và ngôn ngữ.</p> <p>1.3.2. ý nghĩa của logic học</p>	1, 2	Giảng
2	<p>Chương 2: Phán đoán.</p> <p>2.1. Đặc trưng chung của phán đoán.</p> <p>2.2. Phán đoán đơn.</p> <p>2.2.1. Các loại phán đoán đơn.</p> <p>2.2.2. Các dạng cơ bản của phán đoán đặc tính.</p>	1, 2	Giảng

TuÇn thø	Néi dung	Tại liÖu hãc tËp, tham kh¶o	H×nh thøc hãc
	2.3.3. Quan hÛ giữa các phán đoán đơn.		
3	<p>2.3. Phán đoán phức.</p> <p>3.2.1. Các loại phán đoán phức.</p> <p>3.2.2. Quan hÛ giữa các phán đoán phức.</p> <p>3.2.3. Phủ định của phán đoán phức.</p>	1, 2	Gi¶ng
4	Chũa BT chương 1,2		Th¶o luËn
5	<p>Chương 3: Các quy luật cơ bản của logic hình thức.</p> <p>3.1. Quy luật đồng nhất.</p> <p>3.2. Quy luật không mâu thuẫn.</p>	1, 2	Gi¶ng
6	<p>3.3. Quy luật loại trừ cái thứ ba.</p> <p>3.4. Quy luật lí do đầy đủ.</p>	1, 2	Gi¶ng
7	<p>Chương 4: Suy luận.</p> <p>4.1. Đặc trưng của suy luận.</p> <p>4.2. Suy luận suy diễn.</p> <p>4.2.1. Suy luận suy diễn trực tiếp.</p> <p>4.2.2. Suy luận suy diễn gián tiếp.</p> <p>4.3. Các dạng suy luận.</p> <p>4.3.1. Suy luận có điều kiện.</p> <p>4.3.2. Suy luận phân liệt.</p>	1, 2	Gi¶ng
8	Chũa BT chương 3,4		Th¶o luËn
9	<p>4.4. Suy luận quy nạp.</p> <p>4.4.1. Suy luận quy nạp hoàn toàn.</p> <p>4.4.2. Suy luận quy nạp không hoàn toàn.</p>	1, 2	Gi¶ng
10	<p>Chương 5: Chứng minh - Bác bỏ – Giả thuyết.</p> <p>5.1. Chứng minh và bác bỏ.</p>	1, 2	Gi¶ng

TuÇn thø	Néi dung	Tài liÖu hãc tËp, tham kh¶o	H×nh thøc hãc
	5.1.1. Đặc trưng chung của chứng minh. 5.1.2. Các phương pháp chứng minh. 5.1.3. Bác bỏ.		
11	5.2. Giả thuyết. 5.2.1. Đặc trưng chung của giả thuyết. 5.2.2. Xây dựng và phát triển giả thuyết. 5.2.3. Bác bỏ giả thuyết.	1, 2	Gi¶ng
12	Chũa BT chương 3,4	1, 2	Th¶o luËn

TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần : Tâm lý học đại cương

2. Số tín chỉ : 2 (26,4)

3. Tính chất học phần : Bắt buộc

4. Khoa phụ trách : Khoa học cơ bản

5. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Trang bị cho người học những khái niệm cơ bản nhất của môn tâm lý như: khái niệm về tâm lý, tâm lý học, ý thức, vô thức, nhân cách, cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, tình cảm, ý chí... Đồng thời qua học phần này giới thiệu cho người học hiểu được sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức, nhân cách. Sử dụng các phương pháp nghiên cứu tâm lý, đồng thời giúp người học nhận thức được vai trò của hoạt động nhận thức đối với sự hình thành và phát triển tâm lý của con người, từ đó giúp con người điều chỉnh được hành vi của bản thân.

6. Mục tiêu của học phần:

Về kiến thức:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức về bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm khoa học.

- Hiểu rõ cơ sở hình thành các hiện tượng tâm lý người. Nắm được các hiện tượng tâm lý của con người: cảm giác, tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng, tình cảm...; các phẩm chất và các thuộc tính tâm lý trong cấu trúc nhân cách.

Về kỹ năng:

- Giúp người học vận dụng kiến thức tâm lý học để phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý theo quan điểm khoa học.

- Người học vận dụng trong giao tiếp, ứng xử trong cuộc sống, trong công việc và trong việc giải quyết các bài tập thực hành.

Về thái độ:

- Qua học phần này giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc, tích cực và sáng tạo trong quá trình nghiên cứu giáo trình, tiếp thu bài giảng và vận dụng kiến thức vào trong thực tiễn cuộc sống.

7. Nội dung chi tiết học phần:

STT	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
1	<p>Chương 1: Khái quát về khoa học tâm lý.</p> <p>1.1. Khoa học tâm lý.</p> <p>1.1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học</p> <p>1.1.2. Bản chất, chức năng phân loại các hiện tượng tâm lý</p> <p>1.1.3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý</p>	3		1,2,3,4
2	<p>1.2. Cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý người.</p> <p>1.2.1. Cơ sở tự nhiên.</p> <p>1.2.2. Cơ sở xã hội.</p>	3		1,2,3,4
3	<p>1.3. Sự hình thành và phát triển tâm lý – ý thức</p> <p>1.3.1. Sự hình thành và phát triển tâm lý</p> <p>1.3.2. Sự hình thành và phát triển ý thức</p>	3		1,2,3,4
4	<p>Chương 2: Hoạt động nhận thức.</p> <p>2.1. Cảm giác và tri giác.</p> <p>2.1.1. Các khái niệm.</p> <p>2.1.2. Các quy luật cơ bản của cảm giác.</p> <p>2.1.3. Các thuộc tính cơ bản của tri giác.</p> <p>2.1.4. Vai trò của nhận thức cảm giác.</p>	3		1,2,3,4
5	<p>2.2. Nhận thức lý tính.</p> <p>2.2.1. Tư duy.</p> <p>2.2.2. Tưởng tượng.</p>	3		1,2,3,4

STT	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
6	2.3. Trí nhớ và ngôn ngữ 2.3.1. Trí nhớ 2.3.2. Ngôn ngữ	3		1,2,3,4
7	Thảo luận chương 1,2. Bài tập chương 1,2,kiểm tra.		3	1,2,3,4
8	Chương 3: Nhân cách sự hình thành và phát triển nhân cách 3.1. Những khái niệm cơ bản về nhân cách 3.2. Cấu trúc tâm lý của nhân cách 3.3. Các kiểu nhân cách 3.4. Các phẩm chất tâm lý của nhân cách 3.4.1. Tình cảm 3.4.2. ý chí	3		1,2,3,4
9	3.5. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách 3.5.1. Xu hướng 3.5.2. Tính cách 3.5.3. Khí chất 3.5.4. Năng lực 3.6. Sự hình thành và phát triển nhân cách 3.6.1. Giáo dục và nhân cách 3.6.2. Hoạt động và nhân cách 3.6.3. Giao tiếp và nhân cách 3.6.4. Tập thể và nhân cách	3		1,2,3,4
10	Thảo luận chương 3. Bài tập chương 3. Kiểm tra		3	1,2,3,4

8. Tài liệu học tập:

1. Bài giảng Tâm lý học - Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật CN.

9. Tài liệu tham khảo

2. Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên) (1997), Tâm lý học đại cương. Nxb ĐHQG Hà Nội.

3. Trần Trọng Thủy (Chủ biên) (1995), Bài tập thực hành tâm lý học, Nxb Giáo dục.

4. Bùi Văn Huệ (2000), Giáo trình Tâm lý học, Nxb ĐHQG Hà Nội.

10. Phương pháp đánh giá học phần:

- Đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên (đi học đầy đủ, thái độ tự học tốt ...); thực hành, thảo luận (chuẩn bị bài đầy đủ, tích cực thảo luận ...); kiểm tra đánh giá thường xuyên: trọng số 50%

- Điểm thi kết thúc học phần: Hình thức thi trắc nghiệm, trọng số 50%

MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI

1. **Tên học phần:** Môi trường và con người

2. **Số tín chỉ:** 02(26,8)

3. **Tính chất học phần:** Tự chọn

4. **Khoa phụ trách:** Khoa Công nghệ Thực phẩm

5. **Mục tiêu của học phần:**

Môi trường và con người là học phần tự chọn của chương trình đào tạo chung cho hệ đại học. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: cấu trúc hệ sinh thái, mối quan hệ giữa con người với môi trường xung quanh trên địa bàn đô thị, tác động của con người tới môi trường, nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, tác hại của chúng và các giải pháp bảo vệ môi trường.

6. **Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

- Kiến thức: Sau khi học xong học phần này, sinh viên phải nắm vững những kiến thức cơ bản hệ sinh thái, nguyên nhân và tác hại của ô nhiễm môi trường và các giải pháp bảo vệ môi trường từ đó biết vận dụng vào thực tế để làm giảm sự ô nhiễm môi trường.

- Kỹ năng: Phân tích được những nguyên nhân và tác động của ô nhiễm môi trường đến vi sinh vật, Biết được cách xác định mức độ ảnh hưởng và đề xuất các giải pháp giải quyết

- Thái độ: Nghiêm túc, trách nhiệm, chủ động, tích cực, chăm chỉ, cẩn thận

7. **Nội dung chi tiết học phần:**

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
1	Chương 1: Những khái niệm cơ bản về sinh thái học <i>1.1. Sinh vật và môi trường</i> <i>1.2. Quần thể và quần xã sinh vật</i> <i>1.3. Hệ sinh thái</i> 1.3.1. Định nghĩa 1.3.2. Cấu trúc hệ sinh thái 1.3.3. Đặc trưng cơ bản của hệ sinh thái 1.3.4. Cân bằng và mất cân bằng sinh thái	3		1, 2, 3, 4, 5
2	Chương 2: Ô nhiễm không khí và bảo vệ môi trường không khí <i>2.1. Ô nhiễm không khí</i> <i>2.2. Tác động của ô nhiễm không khí</i> 2.2.1. Ảnh hưởng đến khí hậu, thời tiết 2.2.2. Ảnh hưởng đến sức khỏe	3		1, 2, 3, 4, 5
3	<i>2.3. Các giải pháp bảo vệ môi trường không khí</i>	3		1, 2, 3, 4, 5

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<p>2.4. Công nghệ xử lý khí thải</p> <p>2.4.1. Phương pháp thiêu huỷ khí thải</p> <p>2.4.2. Phương pháp hấp thụ</p> <p>2.4.3. Phương pháp hấp phụ</p> <p>2.4.4. Phương pháp tách các tạp chất ở dạng bụi</p> <p>2.4.5. Phương pháp ngưng tụ</p> <p>2.4.6. Phương pháp sinh hoá - vi sinh</p>			
4	Thảo luận - Bài tập Chương 1, 2 - Kiểm tra		3	1, 2, 3, 4, 5
5	<p>Chương 3: Ô nhiễm môi trường nước và bảo vệ nguồn nước</p> <p>3.1. Nguồn nước</p> <p>3.1.1. Nguồn nước</p> <p>3.1.2. Tầm quan trọng của nước với sinh vật</p> <p>3.2. Ô nhiễm nguồn nước và sự ảnh hưởng của nó tới môi trường</p> <p>3.2.1. Các chất gây ô nhiễm nguồn nước</p> <p>3.2.2. Chỉ tiêu đánh giá sự ô nhiễm</p> <p>3.2.3. Ảnh hưởng của sự ô nhiễm nguồn nước</p>	3		1, 2, 3, 4, 5
6	<p>3.3. Giải pháp bảo vệ nguồn nước</p> <p>3.3.1. Giải pháp làm giảm sự ô nhiễm nước bề mặt</p> <p>3.3.2. Giải pháp cung cấp nước nhiều hơn</p> <p>3.3.2. Xử lý nước</p> <p>3.4. Công nghệ xử lý nước thải</p> <p>3.4.1. Phương pháp hoá lý</p> <p>3.4.2. Phương pháp hoá học</p> <p>3.4.3. Phương pháp sinh học</p> <p>3.4.4. Phương pháp kết hợp</p>	3		1, 2, 3, 4, 5
7	Thảo luận - Bài tập Chương 3		3	1, 2, 3, 4, 5
8	<p>Chương 4: Ô nhiễm đất và các loại ô nhiễm khác</p> <p>4.1. Đặc điểm môi trường đất và các tác nhân gây ô nhiễm</p> <p>4.2. Các biện pháp bảo vệ môi trường đất</p> <p>4.2.1. Chống xói mòn</p> <p>4.2.2. Xử lý phế thải rắn do sinh hoạt</p> <p>4.2.2. Xử lý phế thải rắn do công nghiệp</p>	3		1, 2, 3, 4, 5
9	<p>4.3. Công nghệ xử lý rác thải</p> <p>4.3.1. Sơ đồ hệ thống xử lý</p> <p>4.3.2. Một số phương pháp xử lý rác thải</p> <p>4.4. Các loại ô nhiễm khác và biện pháp bảo vệ</p> <p>4.4.1. Ô nhiễm nhiệt</p> <p>4.4.2. Ô nhiễm phóng xạ</p> <p>4.4.3. Ô nhiễm tiếng ồn</p>	3		1, 2, 3, 4, 5

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
10	<p>Chương 5: Sinh thái học đô thị</p> <p>5.1. Khái niệm</p> <p>5.2. Đặc điểm của hệ sinh thái đô thị</p> <p>5.3. Quy hoạch và quản lý hệ sinh thái</p> <p>5.4. Vấn đề cấp bách phải giải quyết trong đô thị và hướng giải quyết</p> <p>5.4.1. Vấn đề cấp bách phải giải quyết</p> <p>5.4.2. Hướng giải quyết</p>	3		1, 2, 3, 4, 5
11	<p>5.5. Hệ sinh thái nhà ở</p> <p>5.5.1. Nguyên tắc chủ đạo khi lựa chọn hướng nhà</p> <p>5.5.2. Mối quan hệ giữa khí hậu địa phương và kiến trúc</p> <p>5.5.3. Mối quan hệ giữa các thành phần kiến trúc</p> <p>5.5.4. Mối quan hệ tổng quan giữa ngôi nhà và các yếu tố bên ngoài</p> <p>5.6. Hậu quả của việc đô thị hoá và vấn đề tăng dân số tới môi trường</p>	2		1, 2, 3, 4, 5
12	Thảo luận - Bài tập Chương 4, 5, kiểm tra		2	1, 2, 3, 4, 5

8. Tài liệu học tập:

1. Bài giảng Môi trường và con người - Trường Đại học KT- KT- CN

9. Tài liệu tham khảo:

2. Lưu Đức Hải - Cơ sở khoa học môi trường - NXB đại học Quốc gia Hà Nội 2005
3. Nguyễn Thị Kim Thái, Lê Hiền Thảo - Sinh thái học và bảo vệ môi trường - NXB Xây dựng 1999
4. Nguyễn Khoa Lân, Lê Thị Nam Thuận - Giáo trình khoa học môi trường - NXB Giáo dục 2003
5. Luật bảo vệ môi trường

10. Phương pháp đánh giá học phần:

- Đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên: đi học đầy đủ, thái độ tự học tốt ..., trọng số 10%
- Đánh giá điểm thực hành, thảo luận: chuẩn bị bài đầy đủ, tích cực thảo luận ..., trọng số 10%
- Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Hình thức tự luận, trọng số 20%
- Điểm thi kết thúc học phần: Hình thức thi tự luận, trọng số 60%

LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ

1. **Tên học phần:** Lịch sử các học thuyết kinh tế

2. **Số tín chỉ:** 2(26,8)

3. **Tính chất học phần:** Tự chọn.

4. **Khoa phụ trách:** Khoa Kinh tế cơ sở

5. **Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Lịch sử các học thuyết kinh tế là học phần cơ sở ngành, tính chất học phần tự chọn của chương trình đào tạo đại học ngành Kinh doanh thương mại. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về các học thuyết kinh tế cơ bản thời cổ đại và trung cổ, các học thuyết kinh tế thời kỳ cuối thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX, học thuyết kinh tế Mac - Lênin, các học thuyết kinh tế hiện đại từ cuối thế kỷ XIX đến nay.

6. **Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức: Hiểu được những học thuyết kinh tế cơ bản thời cổ đại và trung cổ, các học thuyết kinh tế thời kỳ cuối thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX, học thuyết kinh tế Mac - Lênin, các học thuyết kinh tế hiện đại từ cuối thế kỷ XIX đến nay.

- Kỹ năng: Phân tích được nội dung lịch sử phát triển của các học thuyết kinh tế, những đóng góp của các đại biểu kinh tế đối với nền kinh tế thế giới.

- Thái độ: Nghiêm túc, trách nhiệm, chủ động, tích cực, chăm chỉ, cẩn thận.

7. **Nội dung chi tiết học phần:**

Tuần	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
1	CHƯƠNG 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ 1.1. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU MÔN HỌC 1.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 1.3. Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU Chương 2 Các tư tưởng kinh tế thời cổ đại và trung cổ 2.1. Các tư tưởng kinh tế thời cổ đại 2.1.1. Hoàn cảnh xuất hiện và đặc điểm tư tưởng kinh tế cổ đại 2.1.2. Các tư tưởng kinh tế chủ yếu của Hy Lạp cổ đại 2.1.3. Các tư tưởng kinh tế chủ yếu của La Mã cổ đại 2.1.4. Tư tưởng kinh tế cổ đại ở Trung Quốc	3		1, 2, 3, 4
2	2.2. Các tư tưởng kinh tế thời trung cổ 2.2.1. Hoàn cảnh xuất hiện và đặc điểm tư tưởng	3		1, 2, 3, 4

Tuần	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<p><i>kinh tế thời Trung cổ</i></p> <p>2.2.2. Các tư tưởng kinh tế chính của thời kỳ Trung cổ</p> <p>2.2.3. Tư tưởng kinh tế phong kiến ở Trung Quốc</p> <p>2.2.4. Tư tưởng phong kiến ở Nhật Bản</p>			
3	<p>Chương 3 Các học thuyết kinh tế cổ điển</p> <p>3.1. HỌC THUYẾT KINH TẾ CHỦ NGHĨA TRỌNG THƯƠNG</p> <p>3.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa trọng thương (CNTT)</p> <p>3.1.2. Những tư tưởng chính của CNTT</p> <p>3.1.3. Những nhận xét rút từ việc nghiên cứu CNTT</p> <p>3.2. HỌC THUYẾT KINH TẾ CHỦ NGHĨA TRỌNG NÔNG</p> <p>3.2.1. Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện CNTN.</p> <p>3.2.2. Cương lĩnh chính sách kinh tế của CNTN</p> <p>3.2.3. Học thuyết về “sản phẩm rỗng” (sản phẩm thuần túy)</p> <p>3.3. KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC TƯ SẢN CỔ ĐIỂN ANH</p> <p>3.3.1. Hoàn cảnh xuất hiện trường phái KTCT cổ điển Anh</p> <p>3.3.2. Đại biểu William Petty</p> <p>3.3.3. Đại biểu Adam Smith</p> <p>3.3.4. Đại biểu David Ricardo</p>	3		1, 2, 3, 4
4	<p>Chương 4 Kinh tế chính trị học tiểu tư sản</p> <p>4.1. TIỀN ĐỀ XÃ HỘI NẢY SINH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ TIỂU TƯ SẢN</p> <p>4.2. Các học thuyết kinh tế tiêu biểu kinh tế chính trị học tiểu tư sản</p> <p>4.2.1. Đại biểu Sismondi</p> <p>4.2.2. Các lý thuyết kinh tế của Proudon</p>	3		1, 2, 3, 4
5	<p>CHƯƠNG 5 Học thuyết kinh tế của Chủ nghĩa xã hội không tưởng Tây Âu thế kỷ XIX</p> <p>5.1. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI</p> <p>5.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của CNXH không tưởng ở Tây Âu đầu thế kỷ XIX</p> <p>5.1.2. Đóng góp của của CNXH không tưởng</p> <p>5.2. Chủ nghĩa xã hội không tưởng ở Pháp</p> <p>5.2.1. Đại biểu Saint Simon</p>	3		1, 2, 3, 4

Tuần	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<p>5.2.2. Đại biểu Charles Fourier</p> <p>5.3. Chủ nghĩa xã hội không tưởng ở Anh (ĐẠI BIỂU ROBERT OWEN)</p> <p>5.3.1. Sự phê phán chủ nghĩa CNTB</p> <p>5.3.2. Dự án về tiền lao động, về sự trao đổi công bằng và kế hoạch hợp tác</p>			
6	Thảo luận chương 1,2,3,4,5; Kiểm tra		3	1, 2, 3, 4
7	<p>CHƯƠNG 6: SỰ PHÁT SINH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC MÁC - LÊNIN</p> <p>6.1. ĐIỀU KIỆN LỊCH SỬ PHÁT SINH CHỦ NGHĨA MARX</p> <p>6.2. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MACXIT</p> <p>6.2.1. Giai đoạn hình thành cơ sở triết học và phương pháp luận của KTCT học Macxit (1843-1848)</p> <p>6.2.2. Giai đoạn xây dựng hệ thống các phạm trù và quy luật kinh tế của kinh tế chính trị học Macxit (1848-1867)</p> <p>6.2.3. Giai đoạn hoàn thành kinh tế chính trị Marxit (1867-1895)</p> <p>6.3. NHỮNG ĐÓNG GÓP CHỦ YẾU CỦA MARX VÀ ANGELS TRONG KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC</p> <p>6.3.1. Marx đưa ra quan niệm mới về đối tượng và phương pháp của kinh tế chính trị</p> <p>6.3.2. Marx đưa ra các quan điểm lịch sử vào việc phân tích các phạm trù, các quy luật kinh tế.</p> <p>6.3.3. Marx thực hiện một cuộc cách mạng về học thuyết giá trị - lao động</p> <p>6.3.4. Công lao to lớn của Marx là xây dựng học thuyết giá trị thặng dư, đây là hòn đá tảng trong toàn bộ học thuyết kinh tế của Marx</p> <p>6.3.5. Công lao của Marx còn ở nhiều phát hiện khác.</p> <p>6.3.6. Marx và Engel đã dự đoán những đặc trưng cơ bản của xã hội tương lai.</p> <p>6.4. LÊNIN TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC MACXIT</p> <p>6.4.1. Tư tưởng của Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</p> <p>6.4.2. Quan điểm của Lênin về xây dựng CNXH</p>	3		1, 2, 3, 4

Tuần	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
8	<p>CHƯƠNG 7: CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA TRƯỜNG PHÁI TÂN CỔ ĐIỂN</p> <p>7.1. HOÀN CẢNH RA ĐỜI VÀ ĐẶC ĐIỂM</p> <p>7.2. CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ CHỦ YẾU CỦA TRƯỜNG PHÁI “GIỚI HẠN” THÀNH VIÊN (ÁO)</p> <p>7.2.1. Lý thuyết ích lợi giới hạn</p> <p>7.2.2. Lý thuyết về giá trị giới hạn</p> <p>7.3. THUYẾT “GIỚI HẠN” Ở MỸ</p> <p>7.3.1. Lý thuyết năng suất giới hạn</p> <p>7.3.2. Lý thuyết phân phối của Clark</p> <p>7.4. TRƯỜNG PHÁI THÀNH LAUSANNE (LÝ THUYẾT CÂN BẰNG THỊ TRƯỜNG)</p> <p>7.5. TRƯỜNG PHÁI CAMBRIDGE (ANH)</p> <p>7.5.1. Lý thuyết về sản xuất và các yếu tố của sản xuất</p> <p>7.5.2. Lý thuyết về giá cả</p>	3		1, 2, 3, 4
9	Thảo luận chương 6,7; Kiểm tra		3	1, 2, 3, 4
10	<p>CHƯƠNG 8: CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA TRƯỜNG PHÁI KEYNES</p> <p>8.1. HOÀN CẢNH RA ĐỜI</p> <p>8.2. CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA KEYNES</p> <p>8.2.1. Lý thuyết chung về việc làm</p> <p>8.2.2. Lý thuyết về sự can thiệp của Nhà nước vào kinh tế</p> <p>8.2.3. Những hạn chế của lý thuyết Keynes</p> <p>CHƯƠNG 9: CÁC LÝ THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA TỰ DO MỚI</p> <p>9.1. NGUYÊN NHÂN XUẤT HIỆN</p> <p>9.2. HỌC THUYẾT VỀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG-XÃ HỘI Ở LIÊN BANG ĐỨC.</p> <p>9.2.1. Hoàn cảnh xuất hiện lý thuyết về nền kinh tế thị trường xã hội</p> <p>9.2.2. Quan điểm về kinh tế thị trường xã hội</p> <p>9.2.3. Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường xã hội</p> <p>9.2.4. Các yếu tố xã hội trong nền kinh tế thị trường xã hội</p> <p>9.2.5. Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường</p> <p>9.3. CÁC LÝ THUYẾT KINH TẾ CỦA TRƯỜNG PHÁI TỰ DO MỚI Ở MỸ</p>	3		1, 2, 3, 4

Tuần	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<p>9.3.1. Lý thuyết trọng tiền hiện đại ở Mỹ</p> <p>9.3.2. Các quan điểm của trường Phái trọng cung ở Mỹ</p> <p>9.3.3. Kinh tế vĩ mô dự kiến hợp lý</p>			
11	<p>CHƯƠNG 10: HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA TRƯỜNG PHÁI CHÍNH HIỆN ĐẠI</p> <p>10.1. HOÀN CẢNH XUẤT HIỆN VÀ ĐẶC ĐIỂM</p> <p>10.2. LÝ THUYẾT VỀ NỀN KINH TẾ HỖN HỢP</p> <p>10.2.1. Cơ chế thị trường</p> <p>10.2.2. Vai trò của Chính Phủ trong nền kinh tế thị trường</p> <p>10.3. LÝ THUYẾT GIỚI HẠN KHẢ NĂNG SẢN XUẤT VÀ SỰ LỰA CHỌN</p> <p>10.4. LÝ THUYẾT THẤT NGHIỆP</p> <p>10.5. LÝ THUYẾT LẠM PHÁT</p> <p>10.6. LÝ THUYẾT TIỀN TỆ, NGÂN HÀNG VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN</p> <p>10.6.1. Lý thuyết về tiền tệ</p> <p>10.6.2. Ngân hàng thương mại và quá trình tạo nguồn tiền gửi ngân hàng</p> <p>10.6.3. Thị trường chứng khoán</p> <p>Chương 11: Một số lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế</p> <p>11.1. Lý thuyết cất cánh của Walter Wiliam Rostow</p> <p>11.2. Lý thuyết về cái vòng luẩn và cú huých từ bên ngoài</p> <p>11.3. Lý thuyết về mô hình kinh tế nhị nguyên của Athur Lewis</p> <p>11.4. Lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế ở các nước Châu Á - gió mùa của Harry Toshima</p>	2		1,2,3,4
12	<p>Thảo luận Chương 8,9,10,11</p> <p>Kiểm tra</p>		2	1,2,3,4

8. Tài liệu học tập:

1. Bài giảng học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
2. Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế, Trường ĐH Kinh tế Quốc Dân, năm 2007

9. Tài liệu tham khảo:

3. Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, năm 2006
4. Lịch sử các học thuyết kinh tế, TS. Nguyễn Văn Trình, NXB Thống Kê
5. Sách, báo, tạp chí chuyên ngành

10. Phương pháp đánh giá học phần:

- Đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên: đi học đầy đủ, thái độ tự học tốt ..., trọng số 10%
- Đánh giá điểm thực hành, thảo luận: chuẩn bị bài đầy đủ, tích cực thảo luận ..., trọng số 10%
- Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Hình thức tự luận, trọng số 20%
- Điểm thi kết thúc học phần: Hình thức thi tự luận, trọng số 60%

VĂN HÓA KINH DOANH

1. Tên học phần : Văn hóa kinh doanh

2. Số tín chỉ : 2 (27,3)

3. Tính chất học phần : Bắt buộc

4. Khoa phụ trách: Khoa Quản trị kinh doanh

5. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Qua môn học văn hóa kinh doanh, người học sẽ hiểu được khái niệm, biểu hiện, vai trò, các nhân tố động, các điều kiện hình thành và phát triển của các bộ phận hợp thành văn hóa kinh doanh: đó là Triết lý kinh doanh, Đạo đức kinh doanh, Văn hoá doanh nhân, Văn hoá doanh nghiệp, Văn hoá trong các hoạt động kinh tế, kinh doanh. Đồng thời, người học còn được trang bị những kỹ năng cần thiết để tổ chức, ứng dụng và phát triển các kiến thức về văn hóa kinh doanh trong hoạt động của doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

6. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản về văn hóa kinh doanh qua đó có thể mở rộng được những kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh như: triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp và văn hóa trong các hoạt động kinh tế.

- Kỹ năng: Tổ chức, ứng dụng và phát triển các kiến thức về văn hóa kinh doanh trong hoạt động của doanh nghiệp như: xây dựng được triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh và hình thành được văn hóa kinh doanh trong đội ngũ doanh nhân, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Thái độ: Nghiêm túc, trách nhiệm, chủ động, tích cực, chăm chỉ, cẩn thận.

7. Nội dung chi tiết học phần:

STT	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
1	Chương 1: Tổng quan về văn hóa kinh doanh <i>1. Khái quát chung về văn hóa</i> <i>2. Khái quát chung về văn hóa kinh doanh</i> <i>3. Văn hóa kinh doanh như một môn học</i>	3		1,2,3,4
2	Chương 2: Triết lý kinh doanh <i>1. Khái luận về triết lý kinh doanh</i> <i>2. Cách thức xây dựng triết lý kinh doanh của doanh nghiệp</i> <i>3. Triết lý kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam</i>	3		1,2,3,4

STT	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
3	Chương 3: Đạo đức kinh doanh 1. Khái luận về đạo đức kinh doanh 2. Các khía cạnh thể hiện của đạo đức kinh doanh	3		1,2,3,4
4	1. Phương pháp phân tích và xây dựng đạo đức kinh doanh 2. Các vấn đề đạo đức kinh doanh toàn cầu	3		1,2,3,4
5	Thảo luận chương 1,2,3		3	1,2,3,4
6	Chương 4: Văn hóa doanh nghiệp 1. Khái luận về văn hóa doanh nghiệp 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành văn hóa doanh nghiệp 3. Các dạng văn hóa doanh nghiệp	3		1,2,3,4
7	4. Cơ cấu thay đổi các giai đoạn hình thành văn hóa doanh nghiệp 5. Văn hóa doanh nghiệp Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	3		1,2,3,4
8	Chương 5: Văn hóa doanh nhân 1. Khái luận chung về doanh nhân 2. Những lý luận cơ bản về văn hóa doanh nhân 3. Hệ thống tiêu chuẩn đánh giá văn hóa doanh nhân	3		1,2,3,4
9	Chương 6: Văn hóa trong các hoạt động của doanh nghiệp 1. Văn hóa ứng xử trong nội bộ doanh nghiệp 2. Văn hóa trong xây dựng, phát triển thương hiệu 3. Văn hóa trong hoạt động truyền thông marketing	3		1,2,3,4
10	4. Văn hóa trong đàm phán và thương lượng 5. Văn hóa trong định hướng tới khách hàng	3		1,2,3,4
11	Thảo luận chương 4,5,6. Kiểm tra		3	1,2,3,4

8. Tài liệu học tập:

1. Bài giảng Văn hóa kinh doanh - Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật CN.

9. Tài liệu tham khảo

2. Bài giảng Văn hóa kinh doanh, PGS.TS.Dương Thị Liễu chủ biên, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2008.
3. Giáo trình Văn hóa kinh doanh và Triết lý kinh doanh, TS.Đỗ Minh Cương chủ biên, NXB Chính trị quốc gia, 2001.

4. Sách, báo, tạp chí chuyên ngành. Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

10. Phương pháp đánh giá học phần:

- Đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên (đi học đầy đủ, thái độ tự học tốt ...); thực hành, thảo luận (chuẩn bị bài đầy đủ, tích cực thảo luận ...); kiểm tra đánh giá thường xuyên: trọng số 50%

- Điểm thi kết thúc học phần: Hình thức thi tự luận, trọng số 50%

NHẬP MÔN XÃ HỘI HỌC

1. **Tên học phần:** Nhập môn xã hội học.

2. **Số tín chỉ:** 02(26,8)

3. **Tính chất học phần:** Tự chọn.

4. **Khoa phụ trách:** Khoa Lý luận chính trị

5. **Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Nhập môn xã hội học là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kinh doanh thương mại. Học phần trang bị những kiến thức về sự ra đời và phát triển của xã hội học; Đối tượng, chức năng nghiên cứu và các khái niệm của xã hội học

6. **Mục tiêu của học phần:**

Học phần Nhập môn xã hội học trang bị cho Sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học. Cơ sở kiến thức để khảo sát, phân tích, dự báo tình hình thực tiễn xã hội, các hiện tượng xã hội, đề xuất những giải pháp phục vụ cho đời sống xã hội. Những kiến thức trên sẽ giúp cho sinh viên học tốt các môn học chuyên môn khác, đồng thời có thể vận dụng chúng vào công tác chuyên môn nghiệp vụ của mình.

7. **Nội dung chi tiết học phần:**

Tuần Thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
1	Chương 1: Sự ra đời và phát triển của xã hội học 1.1. Sự ra đời của xã hội học. <i>1.1.1. Sự xuất hiện thuật ngữ “Xã hội học”.</i> <i>1.1.2. Sự ra đời của xã hội học .</i> <i>1.1.3 . Những điều kiện và tiền đề cho sự ra đời của xã hội học.</i> <i>1.3.1. Điều kiện kinh tế - xã hội.</i> <i>1.3.2. Tiền đề khoa học, tư tưởng, lý luận.</i> <i>1.3.3. Ý nghĩa của sự ra đời môn học này.</i>	3		1,2,3,4,5,6
2	1.2. Những đóng góp của các nhà xã hội học đầu tiên trong lịch sử. <i>1.2.1. Auguste Comte (1798 -1857) - nhà xã hội học Pháp.</i> <i>1.2.2. Các Mác (1818 -1883) - nhà triết học, kinh tế học, chính trị học và xã hội học Đức.</i> <i>1.2.3. Hebert Spencer (1820 -1903) - nhà xã hội học Anh.</i> <i>1.2.4. Emile Durkherm (1858 -1917) - nhà xã hội học Pháp.</i> <i>1.2.5. Max Weber (1864 -1920) - nhà kinh tế</i>	3		1,2,3,4,5,6

Tuần Thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<i>học, xã hội học Đức.</i>			
3	1.3. Sự hình thành và phát triển của xã hội học Mác - Lênin. 1.3.1. Những quan điểm và học thuyết của Các Mác. 1.3.2. Những quan điểm và học thuyết của Ăngghen. 1.3.3. Những quan điểm và học thuyết của Lênin	3		1,2,3,4,5,6
4	Thảo luận chương 1, kiểm tra		3	1,2,3,4,5,6
5	Chương 2: Đối tượng, chức năng và phương pháp nghiên cứu của xã hội học 2.1. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học . 2.1.1. Khái niệm “xã hội học” 2.1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học . 2.1.3. Mối quan hệ giữa xã hội học và các ngành khoa học khác.	3		1,2,3,4,5,6
6	2.2. Chức năng và nhiệm vụ của xã hội học . 2.2.1. Chức năng của xã hội học . 2.2.2. Nhiệm vụ của xã hội học . 2.2.3. Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng.	3		1,2,3,4,5,6
7	2.3. Kết cấu của xã hội học 2.3.1. Xã hội học đại cương. 2.3.2. Xã hội học chuyên ngành. 2.3.3. Xã hội học thực nghiệm. 2.4. Phương pháp của xã hội học 2.4.1. Phương pháp phân tích tài liệu. 2.4.2. Phương pháp quan sát. 2.4.3. Phương pháp phỏng vấn	3		1,2,3,4,5,6
8	Thảo luận Chương 2 kiểm tra		3	1,2,3,4,5,6
9	Chương 3: Một số khái niệm cơ bản của xã hội học 3.1. Cơ cấu xã hội và các khái niệm liên quan đến nghiên cứu xã hội học về cơ cấu xã hội. 3.1.1. Cơ cấu xã hội. 3.1.2. Các khái niệm liên quan đến nghiên cứu xã hội học về cơ cấu xã hội.	3		1,2,3,4,5,6
10	3.2. Hoạt động xã hội, quan hệ xã hội, chủ thể xã hội. 3.2.1. Hoạt động xã hội. 3.2.2. Quan hệ xã hội. 3.2.3. Chủ thể xã hội.	3		

Tuần Thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	3.3 Xã hội hoá , quá trình xã hội hoá 3.3.1. Xã hội hoá. 3.3.2. Quá trình xã hội hoá.			
11	3.4. Mô hình xã hội, biến đổi xã hội. 3.4.1. Mô hình xã hội. 3.4.2. Biến đổi xã hội. 3.5. Trật tự xã hội, sai lệch xã hội. 3.5.1. Trật tự xã hội. 3.5.2. Sai lệch xã hội. 3.6. Biến chuyển xã hội, tiến bộ xã hội. 3.6.1. Biến chuyển xã hội. 3.6.2. Tiến bộ xã hội. 3.7. Hành động xã hội, tương tác xã hội. 3.7.1. Hành động xã hội. 3.7.2. Tương tác xã hội.	2		1,2,3,4,5,6
12	Thảo luận chương 3 ,kiểm tra		2	1,2,3,4,5,6

8. Tài liệu học tập:

1. Bài giảng Nhập môn xã hội học - Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp

9. Tài liệu tham khảo:

2. Nhập môn xã hội học, Nguyễn Văn Lê, NXB GD, TP.HCM. 2003
3. Xã hội học. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng. NXB GD, HN 2005
4. Xã hội học đại cương. Nguyễn Sinh Huy. NXB ĐHQG, HN. 2004
5. Xã hội học. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng. NXB GD, HN 2005
6. Xã hội học đại cương. Thanh Lê. NXB ĐHQG, TP HCM. 2000
7. Nhập môn xã hội học . Bộ GD-ĐT. NXB GD, HN. 2003

10. Phương pháp đánh giá học phần:

- Đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên: đi học đầy đủ, thái độ tự học tốt ..., trọng số 10%
- Đánh giá điểm thực hành, thảo luận: chuẩn bị bài đầy đủ, tích cực thảo luận ..., trọng số 10%
- Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Hình thức tự luận, trọng số 20%
- Điểm thi kết thúc học phần: Hình thức thi tự luận, trọng số 60%

